

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



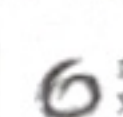
Date
7.23

Group
G10
Round
8

Board
1

WHITE Asadova, Madinabonu				FED UZB				RESULT (W) 0			
BLACK Zhujiabe				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Ne5	fe	41	Qc6	Re8			
2	c4	eb	22	b3	Qf7	42	Qa6	a2			
3	Nc3	c5	23	b4	cb	43	Qb5	Re1			
4	d5	ed	24	Qb4	Qd7	44	d7	Rf1			
5	cd	db	25	ab	Nb5	45	Qf1	Qd7			
6	e4	g6	26	f4	a5	46	Qc4	Qe6			
7	Bb5	Bd7	27	Qa4	Qa7	47	Qe6	Rb7			
8	Bd7	Nbd7	28	Kh1	Nc3	48					
9	Nf3	Qe7	29	Qa1	Rd1	49					
10	0-0	Bg7	30	Qd1	Qd4	50					
11	Re1	0-0	31	Qg4	ef	51					
12	h3	Ne8	32	Qf4	Qb4	52					
13	Qc2	Nc7	33	Bf93	a4	53					
14	a4	b6	34	Qf6	Re4	54					
15	Bf4	Rfe8	35	Rf1	Qb7	55					
16	Rd1	Qf8	36	Qd6	Qe7	56					
17	bd2	Bc3	37	Qc6	Qe8	57					
18	Qc3	fb	38	Qc5	Qc8	58					
19	Nc4	Ne5	39	Bc7	a3	59					
20	Bh2	b5	40	db	Qe6	60					
SIGNATURE (WHITE) ellasadova				SIGNATURE (BLACK) Zhujiabe				SIGNATURE (ARBITER) An			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

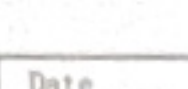
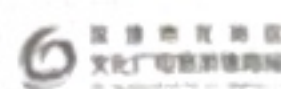


Date
23

Group
G10
Round
8
Board
1

WHITE Asadova, Madinabonu				FED UZB				RESULT (W) 0			
BLACK Zhujiabe				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Kf6	21	Ke5	fe	41	Qc6	ues			
2	c4	e6	22	b3	Qf7	42	Qa6	a2			
3	Kc3	c5	23	B4	cb	43	Qb5	ues			
4	d5	ed	24	Qb4	Qd7	44	d7	uf1			
5	cd	d6	25	ab	kb5	45	Qf1	Qd7			
6	e4	g6	26	f4	a4	46	Qc4	Qe6			
7	cb5	cd7	27	Qa4	Qa7	47	Qe6	ues			
8	cd7	Kb7	28	Kph1	Kc3	48					
9	Kf3	Qe7	29	Qa2	Kd1	49					
10	0-0	cg7	30	Qd1	Qd4	50					
11	ue1	0-0	31	Qg4	ef	51					
12	h3	Ke8	32	Qf4	Qd4	52					
13	Qc2	Kc7	33	cg3	Ray	53					
14	a4	b6	34	Qf6	ue4	54					
15	cf4	ufes	35	uf1	Qb7	55					
16	uads	Qf8	36	Qd6	Qe7	56					
17	Kd2	cc3	37	Qc6	Qe8	57					
18	Qc3	f6	38	Qc5	Qc8	58					
19	Kc4	ch2ke5	39	cc7	a3	59					
20	Bc5	ab5	40	db	Qe6	60					
SIGNATURE (WHITE) ellasadova				SIGNATURE (BLACK) Zhujiabe				SIGNATURE (ARBITER) An			

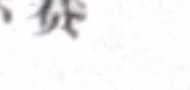
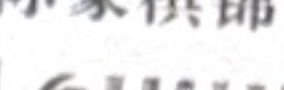
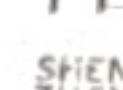
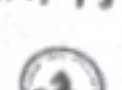
28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G10
Round 8
Date 23/7
Board 2

WHITE Volkova Varvara				BLACK Ly Kha Han				FED FJD				RESULT (W) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	c5	21	Nb5	Rc6	41	Nd4	Rb8							
2	Nf3	d6	22	f4	Qb7	42	Ra5	e5							
3	Bb5+	Bd7	23	Qd3	a6	43	fxe5	dxe5							
4	Bxd7	Qd7	24	Nd4	Rcc8	44	Nc6	Rb6							
5	c4	Nf6	25	Nf5	b5	45	Nxe5	Re6							
6	Nc3	Nc6	26	cx6	Rxc1	46	Bxc5	Bxc5							
7	0-0	g6	27	Rxc1	axb5	47	Kf4	Bd6							
8	d4	axd4	28	Bb4	Nf6	48	Rxb5	f6							
9	Nxd4	Nxd4	29	Re1	Qb6+	49	Kf3	Bxe5							
10	Qxd4	Bg7	30	Qe3	Qxe3	50	h3	h6							
11	Qd3	0-0	31	Rxc3	Ne8	51	a4	Kf7							
12	f3	Rac8	32	Rd3	Bf8	52	ke3	Rd6							
13	b3	Rfd8	33	Kf2	Rc8	53	b4	h5							
14	Bb2	b6	34	R3	Ra8	54	a5	ke7							
15	Rd1	Ne8	35	Kc2	Nf6	55	Rb7+	Kd8							
16	Rac1	Nc7	36	ke3	Nd7	56	b5	kc8							
17	Qd2	e6	37	Nd4	Rb8	57	Rg7	g5							
18	Ba3	Ne8	38	Re7	Nc5	58	Rh7	h4							
19	Nb5	Re6	39	Nc6	Ra8	59	Rh8+	kb7							
20	Nd4	Rc8	40	Ra7	Rc8	60	Rb7+	kb8							
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

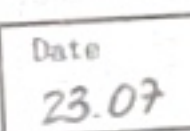
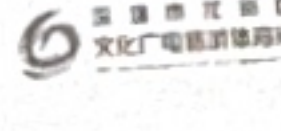
28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G10
Round 8
Date
Board 2

WHITE Volkova Varvara				BLACK Ly Kha Han				FED FJD				RESULT (W) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	Rh8+	kb7	21			41									
2	Rh7+	kb8	22			42									
3	Rh8+	kb7	23			43									
4			24			44									
5			25			45									
6			26			46									
7			27			47									
8			28			48									
9			29			49									
10			30			50									
11			31			51									
12			32			52									
13			33			53									
14			34			54									
15			35			55									
16			36			56									
17			37			57									
18			38			58									
19			39			59									
20			40			60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

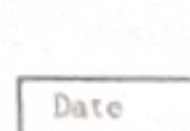
28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G10
Round 8
Date 23.07
Board 2

WHITE Volkova Varvara				BLACK Ly Kha Han				FED Rus				RESULT (W) 1/			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	c5	21	kb5	Ac6	41	Kb8	Ab8							
2	Kf3	d6	22	f4	Qb7	42	Ng5	Q4							
3	cb5	cb7	23	Qb5	ab	43	fe	de							
4	cb7	Qb7	24	Kd4	Ac8	44	Ke6	Ab8							
5	c4	Kf6	25	Kf5	b5	45	Ke5	Ac8							
6	Kc3	KG6	26	cb	Ac1	46	Ce5	Ce5							
7	0-0	g6	27	Ac1	cb	47	Kpf4	Cb6							
8	d4	cd	28	Cb4	Kf6	48	Ab5	f6							
9	Kd4	Kd4	29	Ac1	Qb8	49	KpP3	Ce5							
10	Qd4	cg7	30	Qe3	Qe3	50	h3	h6							
11	Qb3	0-0	31	Ac3	Kd8	51	Ac5	Kpf7							
12	f3	Ac8	32	Ac3	Cb8	52	KpC3	Ac8							
13	B3	Nf8	33	Kpf8	Ac8	53	B4	h5							
14	Cb2	b6	34	Ac3	Ac8	54	q5	Kpf7							
15	Ab1	Ke8	35	Ac3	Kf6	55	Ac7	Kp8							
16	Ac1	Kc7	36	Kc3	Kd8	56	B5	Kp8							
17	Qd2	eb	37	Kb4	Ab8	57	Ac7	g5							
18	Ca3	Ke8	38	Ac1	Kc5	58	Ac7	h4							
19	Kc5	Ac6	39	Kc6	Ac8	59	Ac8	Kp8							
20	Kd4	Ac8	40	Ac7	Ac8	60	Ac7	Kp8							
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G10
Round 8
Date
Board 2

WHITE Volkova Varvara				BLACK Ly Kha Han				FED				RESULT (W) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	Ab8	KpB7	21			41									
2	Ab7	KpB8	22			42									
3	Ab8	KpB7	23			43									
4	Ab7		24			44									
5			25			45									
6			26			46									
7			27			47									
8			28			48									
9			29			49									
10			30			50									
11			31			51									
12			32			52									
13			33			53									
14			34			54									
15			35			55									
16			36			56									
17			37			57									
18			38			58									
19			39			59									
20			40			60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



10:44

Group
G10

Round
8

Date
7/23

Board
3

WHITE Nguyen Vu Bao Chau				BLACK Liu Shiyi (SH)			
#		WHITE		BLACK		#	
1	e4	c5	21	Qa4	Ne5	41	
2	Nf3	e6	22	Ne5	Be5	42	
3	g3	d5	23	Rae1	b5	43	
4	ed	ed	24	Qb3	Bd6	44	
5	d4	Ne6	25	Qd3	g6	45	
6	Bg2	Be7	26	Bd5	b6	46	
7	O-O	O-O	27	Re6	fe	47	
8	Nc3	Nc6	28	Re6	Qe6	48	
9	de	Bc5	29	Be6	Kh7	49	
10	Bg5	d4	30	Bc8	Rc8	50	
11	Ne2	h6	31	Qd4	Rc4	51	
12	Bf6	Qf6	32	Qa7	Kh8	52	
13	Nf4	Bg4	33	c3	Bc5	53	
14	h3	Bf3	34	Qa6	Re4	54	
15	Qf3	Rad8	35	Qa6	Kg7	55	
16	Qb3	Rd7	36	Qe4		56	
17	Qb5	Bd6	37			57	
18	Nd3	Re7	38			58	
19	Rfe1	Rfc8	39			59	
20	Re2	g6	40			60	

SIGNATURE (WHITE)

Chau

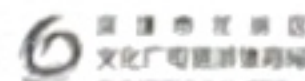
SIGNATURE (BLACK)

Liu Shiyi (SH)

SIGNATURE (ARBITER)

An

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



10:44

Group
G10

Round
8

Date
7/23

Board
3

WHITE Nguyen Vu Bao Chau				BLACK Liu Shiyi (SH)			
#		WHITE		BLACK		#	
1	e4	c5	21	Qa5 Ne5		41	
2	Nf3	e6	22	Ne5	Be5	42	
3	g3	d5	23	Rad1	b5	43	
4	ed5	ed5	24	Qb3	Bd6	44	
5	d4	Ne6	25	Qd3	g6	45	
6	Bg2	Be7	26	Bd5	Bb4	46	
7	O-O	O-O	27	Re6	fe	47	
8	Nc3	Nc6	28	Re6 Qe6		48	
9	de dc5	Bc5	29	Bc5 Be6	Kh7	49	
10	Bg5	d4	30	Bc8 Rc8		50	
11	Ne2	h6	31	Qd4 Rd4	Rc4	51	
12	Bf6	Qf6	32	Qa7	Kh8	52	
13	Nf4 Nf4	Bg4	33	c3	Bc5	53	
14	h3	Bf3	34	Qa6	Re4	54	
15	Qf3	Rad8	35	Qa8	Kg7	55	
16	Qb3	Rd7 Rd7	36	Qe4		56	
17	Qb5	Bd6	37			57	
18	Nd3 Nd3	Re7 Re7	38			58	
19	Rfe1	Rfc8 Rfc8	39			59	
20	Re2 Re2	g6	40			60	

SIGNATURE (WHITE)

Chau

SIGNATURE (BLACK)

Liu Shiyi (SH)

SIGNATURE (ARBITER)

An

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

12:21

Group
G10

Round
8

Date
7.23

Board
4

WHITE Luu Minh Trang				FED VIE				RESULT (W) 1			
BLACK Kim Ria				FED KOR				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Rac1	Rd7	41	Kd3	Ke7			
2		d4	22	Bb4	Rac8	42	Kc3	Ke6			
3	Nd2	c5	23	Rxd7	Rd7	43	Ke4	Rd8			
4	c3	Nc6	24	h3	Be6	44	Nc5	Bf5			
5	Ngf3	Be7	25	c4	f6	45	g4	Bg6			
6	cd5	Bxc5	26	Bc5	Rd3	46	Rb2	Rd7			
7	Bd3	Nge7	27	Bxb6	axb6	47	a6	Kc7			
8	O-O	O-O	28	Kf1	Kf7	48	Re2	Ke6			
9	Qc2	Ng6	29	Ke2	Rd7	49	Re6	Rf7			
10	Nb3	Bb6	30	Rc3	g5	50	Rxf6	Rg7			
11	Rd1	dxe4	31	Nd2	Bf5	51	Rf8	Bc2			
12	Bxe4	Qc7	32	b4	g4	52	Rb8	Ka7			
13	Bxg6	hxg6	33	hxg4	Bxg4	53	Rb7	Rxb7			
14	Qe4	Qe7	34	f3	Bf5	54	axb7	Bd1			
15	Bg5	Qc7	35	a4	Rd7	55	Ke3	Bc2			
16	Bf4	e5	36	Ra3	Bc2	56	Ne6	Kxh7			
17	Nxe5	Bf5	37	a5	bxa5	57	Nxh5	Kc7			
18	Nxc6	Qxc6	38	bxa5	g5	58	Kd4	Kd7			
19	Qxc6	bxc6	39	Ra2	Bf5	59	Ke5	Ke7			
20	Bd6	Rd8	40	Nb3	Be6	60	Ne4	Bd3			
SIGNATURE (WHITE) Trang				SIGNATURE (BLACK) Ria				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

12:21

Group
G10

Round
8

Date
7.23

Board
4

WHITE Luu Minh Trang				FED VIE				RESULT (W) 1			
BLACK Kim Ria				FED KOR				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nd2	Be2	21			41					
2		Bd3	22			42					
3	f4	Bh7	23			43					
4	f5	c5	24			44					
5	g6	Bg8	25			45					
6	f6	Ke8	26			46					
7	f7	Bxf7	27			47					
8	gxf7	Kxf7	28			48					
9	Kd5	Ke7	29			49					
10	Kxc5	Kd7	30			50					
11	Kb6	Kc8	31			51					
12	c5	Kb8	32			52					
13	c6	Kc8	33			53					
14	c7		34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE) Trang				SIGNATURE (BLACK) Ria				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

12:21

Group
G10

Round
8

Date
23-07

Board
4

WHITE Luu Minh Trang				FED VIE				RESULT (W) 1			
BLACK Kim Ria				FED KOR				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Rac1	Rd7	41	Kd3	Ke7			
2	d4	d5	22	Bb4	Rac8	42	Kc3	Ke6			
3	Nd2	c5	23	Rxd7	Rxd7	43	Kd4	Ra8			
4	c3	Nc6	24	h3	Be6	44	Nc5	Bf5			
5	Ngf3	Be7	25	c4	f6	45	g4	Bg6			
6	cd5	Bxc5	26	Bc5	Rd3	46	Rb2	Rd7			
7	Bd3	Nge7	27	Bxb6	axb6	47	a6	Kc7			
8	O-O	O-O	28	Kf1	Kf7	48	Re2	Ke6			
9	Qc2	Ng6	29	Ke2	Rd7	49	Re6	Rf7			
10	Nb3	Bb6	30	Rc3	g5	50	Rxf6	Rg7			
11	Rd1	dxe4	31	Nd2	Bf5	51	Rf8	Bc2			
12	Bxe4	Qc7	32	b4	g4	52	Rb8	Ka7			
13	Bxg6	hxg6	33	hxg4	Bxg4	53	Rb7	Rxb7			
14	Qe4	Qe7	34	f3	Bf5	54	axb7	Bd1			
15	Bg5	Qc7	35	a4	Rd7	55	Ke3	Bc2			
16	Bf4	e5	36	Ra3	Bc2	56	Ne6	Kxh7			
17	Nxe5	Bf5	37	a5	bxa5	57	Nxg5	Kc7			
18	Nxc6	Qxc6	38	bxa5	g5	58	Kd4	Kd7			
19	Qxc6	bxc6	39	Ra2	Bf5	59	Ke5	Ke7			
20	Bd6	Rd8	40	Nb3	Be6	60	Ne4	Bd3			
SIGNATURE (WHITE) Trang				SIGNATURE (BLACK) Ria				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

12:21

Group
G10

Round
8

Date
23-07

Board
4

WHITE Luu Minh Trang				FED VIE				RESULT (W) 1			
BLACK Kim Ria				FED KOR				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nd2	Be2	21			41					
2	g5	Bd3	22			42					
3	f4	Bh7	23			43					
4	f5	c5	24			44					
5	g6	Bg8	25			45					
6	f6	Ke8	26			46					
7	f7	Bxf7	27			47					
8	gxf7	Kxf7	28			48					
9	Kd5	Ke7	29			49					
10	Kxc5	Kd7	30			50					
11	Kb6	Kc8	31			51					
12	c5	Kb8	32			52					
13	c6	Kc8	33			53					
14	c7		34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE) Trang				SIGNATURE (BLACK) Ria				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
7.23Group
G/b
Round
8Board
5

WHITE Rahmonova Mokhyatxon			FED UZB			RESULT (W) 1		
BLACK Ma Yimo			FED CHN			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rd7	Rf8	41	Rf8 Kf6	Rcb6
2	Nf3	d6	22	Rhd1	o4	42	Beb	Rd8
3	d4	cd	23	c3	Rb5	43	Re8	Rh7
4	Nd4	Nf6	24	Ra7	Kh8	44		
5	g6	Be7	25	Rdd7	hb	45		
6	Bg7	Be3	26	Ke3	Be5	46		
7	Qd2 Bc3	Qd2 Qd2	27	g3	q5	47		
8	Neb	Qd2	28	Bf7	Bb8	48		
9	d5	Qd5	29	Rab	Rf5	49		
10	Nd5	Nd5	30	Bb3	Rf3	50		
11	b2	Bd4	31	Ke4	R3f6	51		
12	e5	Bd5	32	Rf6	Rf6	52		
13	Beb	Beb	33	Rd8	kg7	53		
14	Re8	Nd5	34	Rg8	Kh7	54		
15	cd	Rd5	35	Rb8	Rf2	55		
16	Re8	Re8	36	h3	Rh2	56		
17	Qd2	Qd2	37	Rb7	Kh8	57		
18	Rc5	Rd5	38	Beb	Rf2	58		
19	a5	a5	39	Ke5	Rf8	59		
20	Ke2	Rd7	40	Bf7	Rd8	60		
SIGNATURE (WHITE) 			SIGNATURE (BLACK) Ma Yimo			SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni		

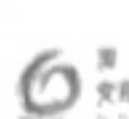
28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
23 JulGroup
G-10
Round
8Board
5

WHITE Rahmonova Mokhyatxon			FED UZB			RESULT (W) 1		
BLACK Ma Yimo			FED CHN			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Lf8	Lhd1	41	ce6	Ld8
2	xf3	d6	22	e4	Lb5	42	pg1	Led
3	d4	cd	23	La7	PA1	43		
4	xd4	xf6	24	Ldd7	Rd	44		
5	xc3	g6	25	Re3	ce5	45		
6	ce2	cg7	26	g3	g5	46		
7	ce3	0-0	27	cf7	cb7	47		
8	Qd2	xc6	28	La6	Lb5	48		
9	0-0	d5	29	cb3	Lf3	49		
10	ed	xd5	30	Re6	L3f6	50		
11	xi6	bc	31	Lf6	Lf6	51		
12	cd4	e5	32	Ld7	pg7	52		
13	cc5	ce6	33	Lg7	ph7	53		
14	cc4	Ld7	34	Lf7	Lf2	54		
15	xd5	cd5	35	R3	Lh2	55		
16	Lc8	ce6	36	Lb7	ph7	56		
17	gdl2	Qd2	37	ce5	Lf2	57		
18	Lc5	cb3	38	Re5	Lf2	58		
19	a5	Re2	39	cf2	Ld8	59		
20	Ld7	Ld7	40	Re6	Ld6	60		
SIGNATURE (WHITE) 			SIGNATURE (BLACK) Ma Yimo			SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.22

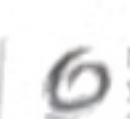
Group G10

Round 8

Board 6

WHITE Zhao Ruqi Hanisa Haider				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Zhao Ruqi				FED BAN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Qf3	Be7	41	04	h9			
2	d4	d5	22	Bh4	Rd6	42	h9	e4			
3	Nd2	c5	23	Rd6	Bd5	43	fe	fg			
4	dc	Bc5	24	Rd1	Qd7	44	Kd3	Bc5			
5	Bd3	Nf6	25	Qe2	Be7	45	Bc5	Bh2			
6	Qe2	Nc6	26	Nd4	Ng4	46	Ke2	Kc6			
7	Nf3	0-0	27	Qd4	Rd6	47	Bd4	Bh4			
8	0-0	Qc7	28	Rd6	Bd6	48	Kf2	Kd6			
9	c3	h6	29	Bd3	Qd4	49	Kd2	Kc6			
10	h3	Bb6	30	Qf4	Qc8	50	Kf2	Kd6			
11	Bc2	Ne4	31	Qb8	Qb8	51	Bb6	Kc5			
12	Ne4	de	32	Bb8	a5	52	Ba5	Kd4			
13	Be4	Ne7	33	Bd6	f5	53	b4	Kd4			
14	Bd2	Bd7	34	Kf1	Kf7	54	05	Kc4			
15	Ne5	Bc6	35	Ke2	Ke8	55	a3	Kb5			
16	Bf4	Qc8	36	Kd3	Bf6	56	Bd8	Kd4			
17	Rad1	Be4	37	Kc2	Kd7	57	Kd2	Kb5			
18	Qe4	Nd5	38	Bf6	e5	58	Kf2	Kc4			
19	Bd3	Bc5	39	b3	h5	59	Kd2	Kb5			
20	c4	Nf6	40	f3	g5	60	Kf2	Dc1			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.23

Group G10

Round 8

Board 6

WHITE Warrisa				FED BAN				RESULT (W) 0			
BLACK Zhao Ruqi				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kg3	Ba3	21			41					
2	Kg4	Bc1	22			42					
3	Bc7	Bd2	23			43					
4	Bd6	Bb4	24			44					
5	Kg5	Bc5	25			45					
6	Bc7	Kc4	26			46					
7	Kf4	b5	27			47					
8	Ba5	Bd4	28			48					
9	Kf3	Bc3	29			49					
10	Bd8	b4	30			50					
11	Bc7	b3	31			51					
12	Ba3	Kd3	32			52					
13	Kf2	Kc2	33			53					
14	Ke2	Bb4	34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.26

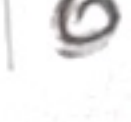
Group G10

Round 8

Board 6

WHITE Warrisa Haider				FED BAN				RESULT (W) 0			
BLACK Zhao Ruqi				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Qf3	Be7	41	g4	h4			
2	d4	d5	22	Bh4	Rd3	42	h4	e4			
3	Nd2	c5	23	Rd8	Bd8	43	fe4	fg4			
4	dc5	Bc5	24	Rd1	Qd7	44	Kd3	Bc5			
5	Bd3	Nf6	25	Qe2	Be7	45	Bc5	Bh2			
6	Qe2	Nc6	26	Ng4	Ng4	46	Ke2	Kc6			
7	Nf3	0-0	27	Qd4	Rd8	47	Bd4	Bf4			
8	0-0	Qc7	28	Rd8	Bd8	48	Kf2	Kd6			
9	c3	h6	29	Bd3	Qc5	49	Kg2	Kc6			
10	h3	Bb6	30	Qf4	Qc8	50	Kf2	Kd6			
11	Bc2	Ne4	31	Qb5	Qb8	51	Bb6	Ke5			
12	Ne4	de4	32	Bb8	a5	52	Ba5	Ke4			
13	Be4	Ne7	33	Bd5	f5	53	b4	Kd4			
14	Bd2	Bd7	34	Kf1	Kf7	54	c5	Kc4			
15	Ne5	Bc6	35	Ke2	Ke8	55	a3	Kb5			
16	Bf4	Qc8	36	Kd3	Bf6	56	Bd8	Ku4			
17	Rad1	Be4	37	Kc2	Kd7	57	Ke2	Kb5			
18	Qe4	Nd5	38	Bf8	e5	58	Kf2	Kc4			
19	Bd3	Bc5	39	b3	h5	59	Kg2	Kb5			
20	e4	Nf6	40	f3	g5	60	Kf2	Bc1			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.26

Group G10

Round 8

Board 6

WHITE Warrisa				FED BAN				RESULT (W) 0			
BLACK Zhao Ruqi				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kg3	Ba3	21			41					
2	Kg4	Bc1	22			42					
3	Be7	Bd2	23			43					
4	Bd6	Bd4	24			44					
5	Kg5	Bc5	25			45					
6	Bc7	Kc4	26			46					
7	Kf4	b5	27			47					
8	Ba5	Bd4	28			48					
9	Kf3	Bc3	29			49					
10	Bd8	b4	30			50					
11	Be7	b3	31			51					
12	Ba3	Kd3	32			52					
13	Ke1	Kc2	33			53					
14	Ke2	Bd4	34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

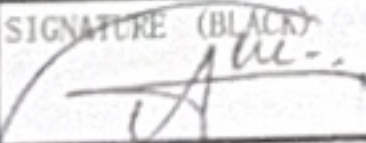


Date

Group **G10**

Round **8**

Board **7**

WHITE			Nakshatra			FED		RESULT (W)		1
BLACK			Akhiet			FED		RESULT (B)		0
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c5	21	Nc5	de5	41				
2	nf3	e6	22	Ba5	Bd5	42				
3	c3	Nf6	23	eds	Nds	43				
4	Bd3	Nc6	24	Qh7	g5	44				
5	Bc2	Qc7	25	gds	Bf6	45				
6	O-O	Be7	26	Bb4	Be7	46				
7	Re1	O-O	27	Rdes	Bb4	47				
8	d4	cd4	28	gfs#		48				
9	cd4	ds	29			49				
10	nc3	Rds	30			50				
11	a3	a6	31			51				
12	h3	h6	32			52				
13	Qe2	b5	33			53				
14	Be3	Bb7	34			54				
15	Rad	Rac8	35			55				
16	d5	eds	36			56				
17	Nds	Qb8	37			57				
18	Qd3	Kf8	38			58				
19	Bb6	gds	39			59				
20	Rcd1	Nc5	40			60				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)				
										

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



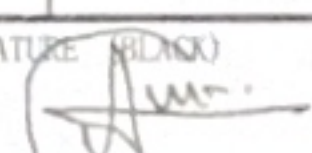
Date

23 Tule

Group **G10**

Round **8**

Board **7**

WHITE			Nakshatra, Gulmudavally elo:1859			FED India			RESULT (W) /		
BLACK			kumisbay, Akhiet elo:1613			FED KAZ			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	e4	c5	21	Nxe5	de	41					
2	Nf3	e6	22	Ba5	Bxd5	42					
3	c3	Nf6	23	ed	Nxd5	43					
4	Bd3	Nc6	24	Qh7	f5	44					
5	Bc2	Qc7	25	Rxd5	Bf6	45					
6	O-O	Be7	26	Bb4	Be7	46					
7	Re1	O-O	27	Rdxes	Bxb4	47					
8	d4	cd	28	Rxf5#		48					
9	cd	d6	29			49					
10	Nc3	Rd8	30			50					
11	a3	a6	31			51					
12	h3	h6	32			52					
13	Qe2	b5	33			53					
14	Be3	Bb7	34			54					
15	Rac1	Rac8	35			55					
16	d5	ed	36			56					
17	Nxd5	Qb8	37			57					
18	Qd3	Kf8	38			58					
19	Bb6	Re8	39			59					
20	Rcd1	Nle5	40			60					
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
											

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.23

Group G10
Round 8

WHITE Chen, yunyang (陈云阳)				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Zhu Chunxi (朱纯希)				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bd6	Rdb	41	Ra3	Bf2			
2	Nf3	eb	22	Re7	Bd8	42	Kd1	Rc2			
3	g3	d5	23	Re5	Bg5+	43	Ra4	f5			
4	ed	ed	24	Ke2	Bg4	44	g4	Be3			
5	d4	cd	25	Kd3	Bf6	45	gf	Bd3			
6	Nd4	Nc6	26	Rd5	Rd5	46	Ra1	gf			
7	Bg2	Bc5	27	Bd5	Rc8	47	Ke3	f4			
8	Nb3	Qe7	28	Bc4	Bf5	48	Kd1	f3			
9	Qe2 Qe2	Bbb	29	Ke3	Rc4	49	Ke1	f2			
10	Bd2	Qe2	30	Rd1	Rc3	50	Kd1	f1=Q			
11	Ke2	Nge7	31	Ke4	g6	51					
12	a3	Bf5	32	Rd6	Kg7	52					
13	Kd1	Bf2	33	a4	Rc4	53					
14	Nc3	Rd8	34	Kf3	Rb4	54					
15	Kc1	Bbb	35	a5	Bc2	55					
16	Bf4	O-O	36	ab	Be4	56					
17	Kd2	Na5	37	Ke3	Bg5	57					
18	Na5	Ba5	38	Ke2	Rb2	58					
19	b4	Bbb	39	Ke2	ba	59					
20	Re1	Rd7	40	Rab	Be3	60					
SIGNATURE (WHITE) chen yun yang				SIGNATURE (BLACK) Zhu Chunxi				SIGNATURE (ARBITER) 			

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



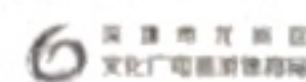
Date 7.22

Group G10
Round 8
Board 8

WHITE chen yun yang				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK zhu chun xi				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	o5	21	Bd6	Rdb	41	Ra3	Bf2			
2	Nf3	eb	22	Re7	Bd8	42	Kd1	Rc2			
3	g3	d5	23	Re5	Bg5	43	Ra4	f5			
4	ed	ed	24	Ke2	Bg4	44	g4	Be3			
5	d4	od	25	Kd3	Bf6	45	gf	Bd3			
6	Nd4	Nc6	26	Rd5	Rd5	46	Ra1	gf			
7	Bg2	Bc5	27	Bd5	Rc8	47	Ke3	f4			
8	Nb3	Qe7	28	Bc4	Bf5	48	Kd1	f3			
9	Qe2	Bbb	29	Ke3	Rc4	49	Ke1	f2			
10	Bd2	Qe2	30	Rd1	Rc3	50	Kd1	f1=Q			
11	Ke2	Nge7	31	Ke4	g6	51					
12	a3	Bf5	32	Rd6	Kg7	52					
13	Kd1	Bf2	33	a4	Rc4	53					
14	Nc3	Rd8	34	Kf3	Rb4	54					
15	Kc1	Bbb	35	a5	Bc2	55					
16	Bf4	O-O	36	ab	Be4	56					
17	Kd2	Na5	37	Ke3	Bg5	57					
18	Na5	Ba5	38	Ke2	Rb2	58					
19	b4	Bbb	39	Ke2	ba	59					
20	Re1	Rd7	40	Rab	Be3	60					
SIGNATURE (WHITE) chen yun yang				SIGNATURE (BLACK) Zhu Chunxi				SIGNATURE (ARBITER) 			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
23-07-2026

Group
G10

Round
8/9

Board
9

WHITE Nurkhan Kyzy, Adelina						FED KAZ		23-07-2026		9	
BLACK Nguyen Dieu Anh						FED VIE		RESULT (W) 1		RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	Mc3 (90)	Mc6 (90)	21	Xf5 (9)		41					
2	c4 (91)	e6 (89)	22			42					
3	c3 -	b6 -	23			43					
4	Mc3 (92)	Tb7 -	24			44					
5	b3 (91)	Tb4 (81)	25			45					
6	Tb2 (90)	O-O (81)	26			46					
7	Te2 -	d5 (80)	27			47					
8	cd5 -	ec5 -	28			48					
9	O-O -	Mbcl7 (76)	29			49					
10	d4 (82)	Me4 (75)	30			50					
11	Xc1 (81)	Mg6 (64)	31			51					
12	Hc2 (74)	Sc5 (57)	32			52					
13	dc5 (68)	bc5 (53)	33			53					
14	Me4 (52)	de4 (47)	34			54					
15	Xfd1 (50)	He7 (36)	35			55					
16	Ne5 -	Xac8 (33)	36			56					
17	Mc4 (45)	Ta6 (29)	37			57					
18	Tb6 (34)	gfb (18)	38			58					
19	Md6 (18)	Xc6 (15)	39			59					
20	Ne5 (13)	He5 (14)	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Adelina				SIGNATURE (BLACK) Anh				SIGNATURE (ARBITER) Lin Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
2026-07-23

Group
4106

Round
8

Board
9

WHITE				FED				RESULT (W)			
BLACK				FED				RESULT (B)			
Nurkhan Kyzy Adelina				KAZ				/			
Nguyen Dieu Anh				VIE				0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	kt3	kt6	21	ld5		41					
2	c4	e6	22			42					
3	e3	b6	23			43					
4	kc3	cb7	24			44					
5	b3	cb4	25			45					
6	cb2	O-O	26			46					
7	ce2	d5	27			47					
8	cd	ked	28			48					
9	O-O	kbd7	29			49					
10	d4	ke4	30			50					
11	kc4	kdt6	31			51					
12	dbc2	c5	32			52					
13	dc	bc	33			53					
14	ke4	ed	34			54					
15	hdt	qet	35			55					
16	kes	lact	36			56					
17	kc4	cab	37			57					
18	ct6	gt	38			58					
19	kob	lrb	39			59					
20	kt5	pes	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Adelina				Anh				Lin Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23 Jul

Group

E/0

Round

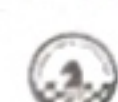
8

Board

10

WHITE			Benita Garroosi 1727			FED IRI		RESULT (W) 1/2	
BLACK			Narayani Umesh marathe 1670			FED Ind		RESULT (B) 1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	d5	21	Nf3	fxe5	41	Kg1	Rc8	
2	c4	c6	22	dx e5	Qf5	42	Bc3	Rd8	
3	Nc3	Nf6	23	Qe2	Rf8	43			
4	Nf3	dx c4	24	h3	Nb8	44	1/2	- 1/2	
5	a4	Bf5	25	Rac8	b6	45			
6	e3	b6	26	Ng5	Nc6	46			
7	Bxc4	Bb4	27	Nf3	Nd4	47			
8	O-O	O-O	28	Nxd4	Cxd4	48			
9	Bd3	Bg6	29	a5	d3	49			
10	Bxg6	hxg6	30	Qe1	Rc2	50			
11	Qe2	Nbd7	31	Bxc2	dx c2	51			
12	Rd1	Rd8	32	Rc1	Lxa5	52			
13	e4	Qe7	33	Qe2	Rc8	53			
14	e5	Nbd5	34	Kh1	Nb5	54			
15	Qc2	Rac8	35	Bc3	Qf4	55			
16	Nd4	Qf8	36	Qe3	Qxe3	56			
17	Bd2	Be7	37	fxe3	Rd8	57			
18	Nf5	c5	38	Bd4	Rc8	58			
19	Qe3	Bxg5	39	Bc3	Rd8	59			
20	Nxg5	tb	40	Bd4	Rf8	60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Benita			N. Marathe			Liudiao ni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23-7-2026

Group

E-10

Round

8

Board

10

WHITE			Garroosi, Benita (1727)			FED Iran			23-7-2021 Lo RESULT (W) 1/2		
BLACK			Narayani V Marathe (1670) India			FED India			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	d4	d5	21	Nf3	fe5 (3)	41	Kg1	Rc8			
2	c4	c6	22	de5	Qf5 (3)	42	Bc3	Rd8			
3	Nc3	Nf6	23	Qe2	Rf8 (2)	43					
4	Nf3	dc4	24	h3	Nb8 (2)	44	1/2 - 1/2				
5	a4	Bf5	25	Rc8	b6 (1)	45					
6	e3	e6	26	Ng5	Nc6 (0.32)	46					
7	Bxc4	Bb4	27	Nf3	Nd4	47					
8	O-O	O-O	28	Nd4	Cb4 (0.5)	48					
9	Bd3	Bg6	29	a5	d3 (4.5)	49					
10	Bg6	hg6	30	Qe1	Rc2 (1)	50					
11	Qe2	Nbd7	31	Rc2	dc2 (1.32)	51					
12	Rd1	Re8	32	Rc1	ba5 (1.45)	52					
13	e4	Qe7	33	Qe2	rc8 (1.26)	53					
14	e5	Nd5	34	Kh1	Nb4 (1)	54					
15	Qc2	Rac8	35	Bc3	Qf4 (0.43)	55					
16	Ne4	Qf8	36	Qe3	Qe3	56					
17	Bd2	Be7	37	fe3	Rd8	57					
18	Nfg5	c5	38	Bd4	Rc8	58					
19	Qd3	Bg5	39	Bc3	Rd8	59					
20	Ng5	f6	40	Bd4	Rf8	60					
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



SHEN ZHEN
深圳棋院

深圳市福田区文化广电新闻出版局

Group G10

Round 8

Board 11

Date 23/6

FED SR

RESULT (W) 1

FED Vie

RESULT (B) 0

WHITE				Date 23/6				Board 11			
BLACK				FED SRi				RESULT (W) 1			
FED Vie				RESULT (B) 0							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	e4	c5	21	Ng5	Bd8	41					
2	Nf3	e6	22	Qh5	Bg5	42					
3	d4	cd	23	fg	fg	43					
4	Nd4	a6	24	Bg6	Kg8	44					
5	Nc3	b5	25	Be8	Rd8	45					
6	Be3	Bb7	26	Ne4	f5	46					
7	Bd3	Qc7	27	Nd6	Ba8	47					
8	O-O	Nf6	28			48					
9	a3	Be7	29			49					
10	h3	O-O	30			50					
11	Qd2	d6	31			51					
12	Rd7	Nbd7	32			52					
13	Nf3	Re8	33			53					
14	Rae1	KM Bf8	34			54					
15	Kh1	Rac8	35			55					
16	Qf2	Na5	36			56					
17	Bc5	dc	37			57					
18	e5	Nd5	38			58					
19	Bh7	Kh8	39			59					
20	Qh4	Be7	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
yue				An				Liu Xiaoni			

SIGNATURE (WHITE)

Yue

SIGNATURE (BLACK)

An

SIGNATURE (ARBITER)

Liu Xiaoni

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



SHEN ZHEN
深圳棋院

深圳市福田区文化广电新闻出版局

Date 7/23

Group G10

Round 8

Board 11

WHITE			Yurenie Angela			FED		Sri		RESULT (W)		1
BLACK			Vu Khanh An			FED		Vie		RESULT (B)		0
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	c5	21	Ng5	Bd8	41						
2	Nf3	e6	22	Qh5	Bxg5	42						
3	d4	cx d4	23	fxg5	fb	43						
4	Nxd4	a6	24	Bg6	Kg8	44						
5	Nc3	b5	25	Bxg8	Rd8	45						
6	Be3	Bb7	26	Ne8	fb	46						
7	Bd2	Qc7	27	Nd6	Ba8	47						
8	O-O	Nf6	28	g6		48						
9	a3	Be7	29			49						
10	h3	O-O	30			50						
11	Qd2	d6	31			51						
12	fu	Nd7	32			52						
13	Nf3	Re8	33			53						
14	Rae1	Bf8	34			54						
15	kh1	Rac8	35			55						
16	Qf2	Nc5	36			56						
17	Bxc5	dx c5	37			57						
18	e5	Nd5	38			58						
19	Bxh7	Kh8	39			59						
20	Qh4	Be7	40			60						
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)						
Yurenie			An			Lin Xiaoni						

SIGNATURE (WHITE)

Yue

SIGNATURE (BLACK)

An

SIGNATURE (ARBITER)

Liu Xiaoni

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



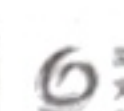
Date 2026.7.23.

Board 12.

WHITE		Du Mingcheng.		FED CHN		2026. 1. 25.		1/2.	
BLACK		Fu Yinyao.		FED CHN				RESULT (W) 1/2.	
								RESULT (B) 1/2.	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4.	d5.	21	Ra1.	b5.	41			
2	c4.	c6.	22	Ne4.	Rad7.	42			
3	Nc3.	Nf6.	23	Nf6.	Qf6.	43			
4	Nf3.	e6.	24	Qe3.	Bb7.	44			
5	Bf5.	Be7.	25	Bb7.	Rb7.	45			
6	e3.	0-0.	26	Rc2.	Qf5.	46			
7	Bd3.	Nbd7.	27	Rb6.	a5.	47			
8	0-0.	h6.	28	Rc5.	Qg4.	48			
9	Bh4.	dc.	29	Rd2.	Qg6.	49			
10	Bc4.	c5.	30	kg2.	Qf6.	50			
11	Qe2.	Nd5.	31	a5.	ed.	51			
12	Bd5.	Bh4.	32	Rcd5.	Qcb.	52			
13	Nh4.	Qh4.	33	Qf3.	Rd5.	53			
14	Be4.	cd.	34	Rd5.	Rbb.	54			
15	ed.	Nf6.	35	kh2.	Qf6.	55			
16	g3.	Qg5.	36	Qf6.	Rf6.	56			
17	Bf3.	Rd8.	37	kg2.	Rb6.	57			
18	Rfd1.	ab.	38	f4.	fb.	58			
19	Rab1.	Ra7.	39			59			
20	h4.	Qf5.	40			60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Du Mingcheng.			Fu Yinyao.			Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.23.

Board 12.

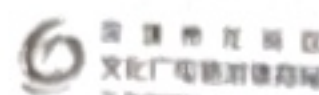
WHITE		Du Mingcheng		FED		CHN		RESULT (W) 0.5	
BLACK		Fu Yinyao		FED		CHN		RESULT (B) 0.5	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	d5	21	Rbc1	b5	41			
2	c4	c6	22	Ne4	Rad7	42			
3	Nc3	Nf6	23	Nf6	Qf6	43			
4	Nf3	e6	24	Qe3	Bb7	44			
5	Bg5	Be7	25	Bb7	Rb7	45			
6	e3	O-O	26	Rc2	Qf5	46			
7	Bd3	Nbd7	27	Rcb	a5	47			
8	O-O	h6	28	Rc5	Qg4	48			
9	Bh4	dc	29	R12	Qg6	49			
10	Bd4	c5	30	Kd2	Qf6	50			
11	Qe2	Nd5	31	d5	ed	51			
12	Bd5	Bh4	32	Rd5	Qcb	52			
13	Nh4	Qh4	33	Qf3	Rd5	53			
14	Be4	cd	34	Rd5	Rb6	54			
15	ed	Nf6	35	Kh2	Qf6	55			
16	g3	Qg5	36	Qf6	Rf6	56			
17	Bf3	RAd8	37	15g2	Rb6	57			
18	Rfd1	ab	38	f4	fb	58			
19	Rab1	Ra7	39			59			
20	h4	Qf5	40			60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Du Mingcheng.			Fu Yinyao			Liu Xiaoni			

11:32

Group G10
Round 8

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G10

Round 8

Date 7.23

Board 13

FED CHN

RESULT (W) 1

FED CHN

RESULT (B) 0

WHITE He Yixuan
BLACK Jiang Yan

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	e5	Bg2	41		
2	c4	e6	22	Rg4	Bh3	42		
3	Nc3	Bb4	23	Rg6	f9	43		
4	b6 Nf3	g6 b6	24	ef	Re1	44		
5	Bb7 g3	Bb7	25	ae1	c4	45		
6	Bg2	0-0	26	f3	B5	46		
7	0-0	Bc3	27	Qe7	Rb1	47		
8	bc	d5	28	#2	Rb2	48		
9	Ne5	Nbd7	29	Ke3	Re2	49		
10	cd	ed	30	Ke2	Bd3	50		
11	Bg5	h6	31	Ke1		51		
12	Na7	Qd7	32			52		
13	Bf6	g7	33			53		
14	e3	at5	34			54		
15	c4	Rb8	35			55		
16	R Re1	d6	36			56		
17	et	Qg6	37			57		
18	Rc1	Rc8	38			58		
19	Rd4	c5	39			59		
20	d6	bc	40			60		

SIGNATURE (WHITE)

He Yixuan

SIGNATURE (BLACK)

Jiang Yan

SIGNATURE (ARBITER)

fr

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.23

Group G10

Round 8

Board 13

FED CHN

RESULT (W) 1

FED CHN

RESULT (B) 0

WHITE He Yixuan(SZ)
BLACK Jiang Yan

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	e5	Bg2	41		
2	c4	e6	22	Rg4	Bh3	42		
3	Nc3	Bb4	23	Rg6	f9	43		
4	Nf3	b6	24	ef	Re1	44		
5	g3	Bb7	25	ae1	c4	45		
6	Bg2	0-0	26	f3	B5	46		
7	0-0	Bc3	27	Qe7	Rb1	47		
8	bc	d5	28	Ke2	Rb2	48		
9	Ne5	Nbd7	29	Ke3	Re2	49		
10	cd	ed	30	Ke2	Bd3	50		
11	Bg5	h6	31	Ke1		51		
12	Na7	Qd7	32			52		
13	Bf6	g7	33			53		
14	e3	at5	34			54		
15	c4	Rb8	35			55		
16	Re1	d6	36			56		
17	et	Qg6	37			57		
18	Rac1	Rc8	38			58		
19	Rd4	c5	39			59		
20	d6	bc	40			60		

SIGNATURE (WHITE)

He Yixuan

SIGNATURE (BLACK)

Jiang Yan

SIGNATURE (ARBITER)

fr

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
07/23

Group
G10

Round
8

Board
14

WHITE Tselmegsder				FED MGL -1631				RESULT (W) 1			
BLACK Hu Anya				FED CHN - 0				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qb6	cb	41	Rg5	Kh6			
2	Nf3	Nc6	22	Ra1	Rd1	42	Ngh	Kh7			
3	Bb5	Qb6	23	es	f5	43	Nf6	Kh6			
4	Bc6	dc	24	g3	kd7	44	Ne8	as			
5	O-O	Bb6	25	Ra1	c3 kes	45	ba	ds			
6	d4	Bg4	26	Ret.c3	Rd4	46	Nb6	b4			
7	de	Bf3	27	Nf2	Rc3	47	Nc4	Kh7			
8	Qf3	Bc5	28	Rd6	ke7	48	F5	as			
9	Qb3	Qh4	29	Rd1	Rb8	49	f6	b3			
10	f4	Bb4	30	Rd8	kt8	50	f7	ba			
11	Be3	Be3	31	e6	Re3	51	Nb2	Kh6			
12	Qe3	Nf6	32	Rd7	Kg8	52	Rg4	Kh5			
13	Nd2	O-O	33	Rd7	Re6	53	Rg7	Kh4			
14	Nf3	Qh5	34	Rg7	Kf8	54	f8	c3			
15	Qa7	Nd7	35	Rh7	Kg8	55	Nd3	b5			
16	b4	Nb6	36	Rd7	kt8	56	Qh8#				
17	Ne5	f6	37	Ret	Rg5	57					
18	Nd3	Qb5	38	Ret	Rh8 Kf7	58					
19	a4	Nah	39	Ret	Ret	59					
20	Rd4	Qb6	40	Ret	kg6	60					
SIGNATURE (WHITE) Tselmegsder				SIGNATURE (BLACK) Hu Anya				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
23 Jul

Group
G10

Round
8

Board
14

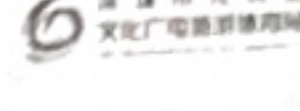
WHITE Tselmegsder				FED MGL				RESULT (W) 1			
BLACK Hu Anya				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qb6	cb	41	Rg5	Kh6			
2	Nf3	Nc6	22	Ra1	Rd4	42	Ngh	Kh7			
3	Bb5	Qb6	23	es	f5	43	Nf6	Kh6			
4	Bc6	dc	24	g3	kd7	44	Ne8	as			
5	O-O	Bb6	25	Ra1	ke6	45	ba	ds			
6	d4	Bg4	26	c3	Rd4	46	Nb6	b4			
7	de	Bf3	27	Nf2	Rc3	47	Nc4	Kh7			
8	Qf3	Bc5	28	Rd6	ke7	48	F5	as			
9	Qb3	Qh4	29	Rd1	Rb8	49	f6	b3			
10	f4	Bb4	30	Rd7	Kf8	50	f7	ba			
11	Be3	Be3	31	e6	Re3	51	Nb2	Kh6			
12	Qe3	Nf6	32	Rd7	Kg8	52	Rg4	Kh5			
13	Nd2	O-O	33	Rd7	Re6	53	Rg7	Kh4			
14	Nf3	Qh5	34	Rg7	Kf8	54	f8	c3			
15	Qa7	Nd7	35	Rh7	Kg8	55	Nd3	b5			
16	b4	Nb6	36	Rd7	kt8	56	Qh8#				
17	Ne5	f6	37	Ret	Rg5	57					
18	Nd3	Qb5	38	Ret	Rh8 Kf7	58					
19	a4	Nah	39	Ret	Ret	59					
20	Rd4	Qb6	40	Ret	kg6	60					
SIGNATURE (WHITE) Tselmegsder				SIGNATURE (BLACK) Hu Anya				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
7/23Group
G10
Round
8
Board
15

WHITE			FED			RESULT (W)		
Nguyen Khanh Han			VIE			1		
BLACK			FED			RESULT (B)		
Ma Yutian			CHN			0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	a5	Bb	41		
2	c4	eb	22	Mb	Bab	42		
3	g3	Be1	23	Nd6	Nd6	43		
4	Bg2	O-O	24	Ba8	Ra8	44		
5	Nf3	Nc6	25	Rd6	b5	45		
6	O-O	bb	26	Nd7	Rd7	46		
7	Nb3	Bb1	27	Bb1 Bb1	Rb7	47		
8	b3	Na5	28	b4	Rd1	48		
9	Bb2	c5	29	hb	Rd8	49		
10	d5	ed	30	a4	Ra4	50		
11	cd	c4	31	a3	Ba1	51		
12	db	Bd6	32	a2	Rd4	52		
13	adb	cb	33	Rkh7 Rkh7	Rf7	53		
14	ab	Nb3	34	Rc6	Rg7 Rg7	54		
15	Rd1	Nc5	35	h8	Re1	55		
16	Rse1	Re8	36	Rg8	Ra7	56		
17	Nb5	Nce4	37	Rg7	Rg7	57		
18	Qc7	Bc6	38	h5	Rb	58		
19	Qd8	Red8	39			59		
20	Nd4		40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
han			Ma Yutian			Liu Xiaoni		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛Date
23/JulGroup
G10
Round
8
Board
15

WHITE				FED VIE		RESULT (W) 1		
BLACK				FED CHN		RESULT (B) 0		
Nguyen Khanh Han				Ma Yutian				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	D4 1:28	Nf6 1:30	21	NE5	Bb7	41		
2	C4	E6	22	Nb5 1:03	Ba6	42		
3	G3	BE5	23	Nf6 1:12	Nd6 1:40	43		
4	Bg2	O-O	24	Ba8	Ra8	44		
5	Nf3	Nc6	25	Rd6 1:01	B5	45		
6	O-O 1:27	Bg 1:28	26	Nb7	Nd7	46		
7	Nc3	Bb7 1:29	27	Rd7	Bb7	47		
8	B3 1:20	Nd5 1:18	28	Rb7	B4	48		
9	Bb2 C5		29	Rd1	Hc	49		
10	D5 1:13	Ed1 1:16	30	Rd7	a1	50		
11	CD 1:22	C4	31	Rb4	a3	51		
12	D6	Bd6	32	Ba1	a2	52		
13	Qd6	Cb	33	Rb4	Kh7	53		
14	QAb	Nb3 1:17	34	Rc8	Rg7	54		
15	Rd1	Nc5	35	Kh8	Rd1	55		
16	Rfe1 1:18	Re8 1:15	36	Rg8	Rd7	56		
17	Nb5 1:11	Nce4	37	Rg7	Rg7	57		
18	Qc7 1:10	Bc6 1:00	38	h5	Rd8	58		
19	Qb8 1:07	Red8	39			59		
20	Nd5	a5	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
han			Ma Yutian			Liu Xiaoni		

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



SHEN ZHEN
深圳棋院

Date 23.07

Group G10

Round 8

Board 16

WHITE						Date 23.07		Board 16	
BLACK						FED CHN		RESULT (W) 1	
Xia Yutong Cheredhichenko Olesya						FED RUS		RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	f5	21	f4	Qc8	41	c3	cl3	
2	cl4	d6	22	Qb3	Kph7	42	b6	Qc6	
3	Kf3	Kf6	23	Na1	e5	43	Qa7	Kpg8	
4	g3	g6	24	Qa3	Qc7	44	b7	cd4	
5	Cg2	l6	25	Qb3	Kb8	45	Kpg2	Qc2	
6	O-O	Cg7	26	Qc2	Qc7	46	Kph3	Qc1	
7	Kc3	O-O	27	cb4	Nd8	47	Ac1	Ac4	
8	Ac1	Qe8	28	Q3	b6	48	b8-1		
9	Qb3	Kf27	29	Nf4	Qd7	49			
10	e4	c5	30	Nfe1	Q5	50			
11	Kd5	cd	31	cd2	Ka6	51			
12	Kc7	Kc5	32	B4	Ac8	52			
13	Qg1	Qg8	33	Qb3	Q4	53			
14	Ka8	fe	34	Qb3	Qc7	54			
15	Kg5	Kc6	35	c5	Bc	55			
16	Ke4	cl5	36	Qa6	C4	56			
17	Cg5	Ke4	37	Ac1	d5	57			
18	Ce4	Ce4	38	Ac2	e4	58			
19	Ac4	h6	39	b5	d3	59			
20	cd1	Qa8	40	Ac1	c3	60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Xia Yutong			Cheredhichenko Olesya			Lin Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



SHEN ZHEN
深圳棋院

Date 7.23

Group G10

Round 8

Board 16

WHITE						Date 7.23		Board 16	
BLACK						FED CHN		RESULT (W) 1	
XU, Yutong						FED RUS		RESULT (B) 0	
Cheredhichenko, Olesya									
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	f5	21	f4	Qc8	41	Bc3	Bc3	
2	cl4	db	22	Qb3	Kh7	42	b6	Qc6	
3	Nf3	Nf6	23	Rael	e5	43	Qa7	kg8	
4	g3	gb	24	Qa3	Qc7	44	b7	Bd4	
5	Bg2	cb	25	Qb3	Nb8	45	kg2	Qc2	
6	O-O	Bg7	26	Qc2	BxQf7	46	Kh3	Qcl	
7	Nc3	O-O	27	Bb4	Re8	47	Rcl	Rcl	
8	Rel	Re8	28	Q3	b6	48	b1=R#		
9	Qb3	Nf7	29	Rf1	Qd7	49			
10	e4	c5	30	Rcl	a5	50			
11	Nd5	cd	31	Bd2	Nat6	51			
12	Nc7	Nc5	32	b4	Re8	52			
13	Qd1	Qd8	33	Qb3	a5	53			
14	Na8	fe	34	Qd3	Qc7	54			
15	Nf5	Nc6	35	c5	bc	55			
16	Nat4	Bf5	36	Qab	c4	56			
17	Bg5	Nf4	37	Rcl	dt	57			
18	Be5	Be5	38	Re2	e4	58			
19	Re5	hb	39	b5	d3	59			
20	Bd2	Qa8	40	Rel	c3	60			
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	
XU, Yutong						Cheredhichenko, Olesya		Lin Xiaoni	

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

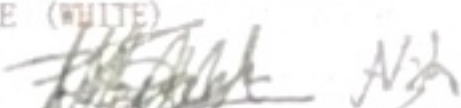
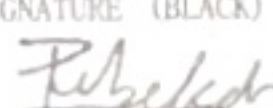
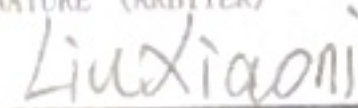


Date
23 July 2026

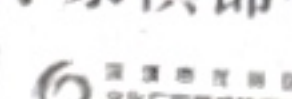
Group
G10

Round
8

Board
17

WHITE			Anointah A			std: 1699 Rpd: 1584			FED IND			RESULT (W) 1/2		
BLACK			Rebekah Lee			std: 1506			FED SGP			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK						
1	e4	d5	21	Rxe1	Rd7	41	Nxb7	Bb6						
2	exd5	Nf6	22	Re6	Kd8	42	Kg6	Kc3						
3	Nc3	Nxd5	23	Kh2	Re7	43	Kxg5	Kxc2						
4	Nxd5	Bxd5	24	Rxe1	Kxe1	44	Nd6	Kxd3						
5	Qf3 ^T	Qxf3	25	Nf5+	Kf7	45	Nf5	Ke4						
6	Nxf3	Nc6	26	Kg4	g6	46	Nxd4	Bxd4						
7	Bb5	Bd7	27	Nh4	Ke6	47	h4	Be3+						
8	d3	f6	28	f4	Kd5	48	Kh5	Kf4						
9	Be3	ab	29	Nf3	c5	49	g5	Kf5						
10	Ba4	0-0-0	30	Nd2	cxh4	50	Kh6	Kg4						
11	0-0	e5	31	axb4	a5	51	Kh7	Kxh4						
12	h3	Nd4	32	Nc4	Bc7	52	g6	Bd4						
13	Bxd7+	Rxd7	33	bxa5	g5	53	g7	Bg7						
14	Bxd4	exd4	34	Kg4	Bxf4	54	Kxg7							
15	Rfel	Bc5	35	Kf5	Bc5	55	1/2	- 1/2						
16	asa3	Rdd8	36	g4	Bc7	56								
17	b4	Bb6	37	Kxf6	Bd8+	57								
18	Re7	Rd7	38	Kg7	Ke5	58								
19	Rae1	Rhd8	39	Kxh7	Kb4	59								
20	Nh4	Rxe1	40	Nd6	Bxa5	60								
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)								
														

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group
G-10

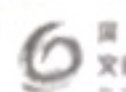
Round
9

Board
17

WHITE						Date		Board	
Anointah								17	
BLACK						FED		RESULT (W)	
Lee Kar Yan Rebekah						FED		RESULT (B)	
						Ind		1/2	
						Sth Sth P		1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	d5	21	Re7	Rd7	41	Vb7	Bb6	
2	eds	M6	22	Re6	Kd8	42	Kg6	Ke3	
3	Nc3	Nds	23	Kh2	Re7	43	Kas	Kc4	
4	Nds	Qd5	24	Re7	Ke7	44	Nf6	Kd3	
5	Qf3	Qf3	25	M5	M7	45	M5	dark e4	
6	M5	Nc6	26	Kg3	g6	46	M4	Bd4	
7	Nb6	Bd7	27	M4	Ke6	47	h4	Re3	
8	d3	g6	28	g4	Kd5	48	M5	Kh4	
9	Re3	g6	29	M5	CS	49	g5	Vf5	
10	Bau	0-0-0	30	M2	Cb4	50	Kf6	Kg4	
11	0-0	e5	31	Cb4	Q5	51	Kh7	Kd4	
12	h3	Nd4	32	Nc4	Bc7	52	g6	Bd4	
13	Bd7	Rd7	33	Qd5	g5	53	g7	Re5	
14	Bd4	ed4	34	Kg4	Bd4	54	Kd	1/2-1/2	
15	Re1	Bc5	35	Re5	Re5	55			
16	Q3	Rd8	36	Q4	Bc7	56			
17	b4	Rd8	37	AKh6	Bb6	57			
18	Re7	Rd7	38	Kg7	Kc5	58			
19	Re1	Vf6	39	Kh7	Kb4	59			
20	M4	Re7	40	M6	Re5	60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
			Rebekah			Lin Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



深圳市福田区文化广电新闻出版局

Date

11:12

Group G10

Round 8

Board 18

WHITE	Chen Yunjia	FED	CHN	RESULT (W)	0
BLACK	Lizhen	FED	CHN	RESULT (B)	1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Re2	Re2	41	Rd7	Rc3
2	Nf3	Nc6	22	13d1	13d1	42	Rd4	Kg8
3	d4	cd	23	Rb1	Rd3	43	Rd7	Rc8
4	Nd4	g6	24	Nf4	13f5	44	Rc2	Bg2
5	c4	Bg7	25	Rd1	13b4	45	Rd7	d5
6	Be3	Nf6	26	Re2	13c3	46	Re7	d4
7	Nc3	O-O	27	Rd2	13h1	47	Rd7	13d5
8	Be2	d6	28	Rd4	13f6	48	Q3	Rc3
9	O-O	Bd7	29	Nd5	Rc8	49	Re3	Kd2
10	b3	Re8	30	Rd7	b5	50	Kel	Bh6
11	Re1	Qd5	31	Rd5	Re	51	Rd1	Kc2
12	Qd2	Nc4	32	13b6	c3	52	Kc3	c1=Q
13	Nc4	Qd2	33	Re1	c2	53	Qd4	Qc4
14	Nd2	Nd4	34	Rc1	Bb2	54	Kd5	Qc8
15	Bd3	13c6	35	Nc8	Rc8	55	Rg7	Ke1
16	Rc1	Nb4	36	13e4	Bc1	56	Kt6	Qd8
17	Bb1	13f5	37	13c1	Rc3	57	Re1	e5
18	a3	Nd3	38	Kf1	12b3	58	h4	Qd6
19	Bd3	Bd3	39	Ke2	e6	59	Re6	
20	Nf3	Bf5	40	13h6	Rb5	60		

SIGNATURE (WHITE) Chen Yunjia
SIGNATURE (BLACK) Lizhen
SIGNATURE (ARBITER) Lin Xiaoni

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



深圳市福田区文化广电新闻出版局

Date

23 July

Board

18

Group G10

Round 8

WHITE	Chen Yunjia	FED	CHN	RESULT (W)	0
BLACK	Lizhen	FED	CHN	RESULT (B)	1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Re2	Re2	41	Rd7	Rc3
2	Nf3	Nc6	22	13d1	13d1	42	Rd4	Kg8
3	d4	cd	23	Rb1	Rd3	43	Rd7	Rc8
4	Nd4	g6	24	Nf4	13f5	44	Rc2	Bg2
5	c4	Bg7	25	Rd1	13b4	45	Rd7	d5
6	Be3	Nf6	26	Re2	13c3	46	Re7	d4
7	Nc3	O-O	27	Rd2	13h1	47	Rd7	13d5
8	Be2	d6	28	Rd4	13f6	48	Q3	Rc3
9	O-O	Bd7	29	Nd5	Rc8	49	Re3	Kd2
10	b3	Re8	30	Rd7	b5	50	Kel	Bh6
11	Re1	Qd5	31	Rd5	Re	51	Rd1	Kc2
12	Qd2	Nc4	32	13b6	c3	52	Kc3	c1=Q
13	Nc4	Qd2	33	Re1	c2	53	Qd4	Qc4
14	Nd2	Nd4	34	Rc1	Bb2	54	Kd5	Qc8
15	Bd3	13c6	35	Nc8	Rc8	55	Rg7	Ke1
16	Rc1	Nb4	36	13e4	Bc1	56	Kt6	Qd8
17	Bb1	13f5	37	13c1	Rc3	57	Re1	e5
18	a3	Nd3	38	Kf1	12b3	58	h4	Qd6
19	Bd3	Bd3	39	Ke2	e6	59	Re6	
20	Nf3	Bf5	40	13h6	Rb5	60		

SIGNATURE (WHITE) Chen Yunjia
SIGNATURE (BLACK) Lizhen
SIGNATURE (ARBITER) Lin Xiaoni

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

12:28

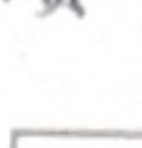
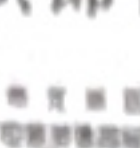
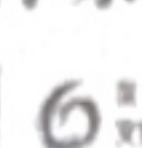
Group G10		Round 8		Date 23.07.26		Board 19	
WHITE Chen, Zi xi				FED CHN		RESULT (W) 1	
BLACK Ulozhenko Viktoria				FED RUS		RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	d4	d5	21	cc4	0-0	41	ue5
2	c4	e6	22	kf5	cc4	42	ue5
3	uc3	c5	23	f:e	f:e	43	ce3
4	c:d	e:d	24	clf1	f:e	44	h:g
5	d:c	du	25	kpe2	uf1	45	
6	ke4	cf5	26	ke7	kpe2	46	
7	kd6	cd6	27	clf4	ke7	47	
8	c:d	cd6	28	uf1	cg6	48	
9	kc6	gf3	29	kg6	h:g	49	
10	kb4	gf3	30	car2	ue8	50	
11	cd7	gf3	31	kpf3	ud8	51	
12	clc8	gf3	32	ce3	a:5	52	
13	cb6	cf4	33	b:a	b:a	53	
14	ca5	clc8	34	clc8	clc8	54	
15	cd2	clc8	35	kpg2	kpg2	55	
16	ca2	clc8	36	ue8	clc8	56	
17	kd4	b6	37	ue8	clc8	57	
18	b4	cb7	38	kph8	clc8	58	
19	f3	kb6	39	kph8	clc8	59	
20	e4	0-0	40	kph8	clc8	60	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
Chen, Zi xi				Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

12:28

Group G10		Round 8		Date 7.23		Board 19	
WHITE Chen, Zi xi				FED CHN		RESULT (W) 1	
BLACK Ulozhenko				FED RUS		RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	d4	d5	21	e4	0-0	41	h4
2	c4	e6	22	Rd8	Bc4	42	g4
3	Nc3	c5	23	Ne4	Nf5	43	Be3+
4	cd	ed	24	fe	Be4	44	hg#
5	dc	d4	25	Rf1	Bb1	45	
6	Ne4	Bf5	26	Ke2	Be4	46	
7	Ndb+	Bd6	27	Ne7+	Kh8	47	
8	cd	Qd6	28	Rf7	Bg6	48	
9	Nf3	Nc6	29	Nxb+	hg	49	
10	g3	Nb4	30	Ba2	Re8+	50	
11	Qa4+	Bd7	31	Kf3	Rd8	51	
12	Qb3	Rc8	32	Be3	a5	52	
13	Bf4	Gbb	33	ba	ba	53	
14	Rc1	Qa5	34	Ra7	Rf7+	54	
15	Rxc8+	Bxc8	35	Kg2	Kh7	55	
16	Bd2	Qx2	36	Ra5	Re8	56	
17	Qa2	Na2	37	Bf2	Re7	57	
18	Nd4	b6	38	Bb1	Kh6	58	
19	b4	Bb7	39	Rab	Kh7	59	
20	f3	Nf6	40	Bg6+	Kh6	60	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
Chen, Zi xi				Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group
G/10

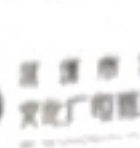
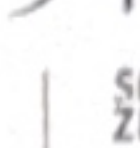
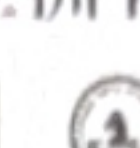
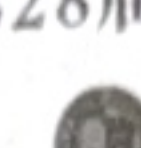
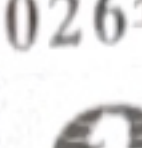
Round
8

Date
7.23

Board
20

WHITE Gerelt-oyu, Tsogtgerel				FED MGL		RESULT (W) 1		
BLACK Chen, Yunhao				FED CHN		RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Rc2	Rc2	41	Ba8	Kg6
2	d4	d5	22	Qc2	Nac8	42	Kg3 Kg3	Kg7
3	Nd2	c5	23	Bc7	Qe8	43	Kf4	Kg6
4	c3	Nc6	24	Nd2	Qf8	44	Bf6	Na7
5	Ngf3	cd	25	Bb8	Qd8	45	Be7	Nc8
6	cd	Bb4	26	f4	Kh8	46	Ba8	Kh7
7	Qe5	Qb6	27	Nf3	Kg8	47	Kf5	Kg7
8	a3	Bd2	28	g4	g6	48	Bf6	Kf8
9	Qd2	h6	29	Bc7	Qe8	49	g5	h9
10	b4	a6	30	Nh4	Kf8	50	Bg5	Ne7
11	Bb2	Bd7	31	Qc1 Qc1	Kg7	51	Be7	Ke7
12	Bd3	Ne7	32	Qc2	Kf8	52	Kg5	Ke6
13	O-O	O-O	33	Kh2	Kg8	53	Kg4	f6
14	Rac1	Rf8	34	f5	ef	54	ef	Kf6
15	h3	Q5	35	gf gf	gf	55	Kf4	Ke6
16	b5	Na7	36	Bf4	Nf5	56	Kg5	Kd7
17	a4	Qd8	37	Nf5	Bf5	57	Kf5	Kd6
18	Ba3	b6	38	Qf5	Qe6	58	Kf6	Kd7
19	Bb6	Rc1	39	Qg4	Qg4	59	Ke5	Kc7
20	Rc1	Rc8	40	hg hg	Kg7	60	Ka5	Kd7
SIGNATURE (WHITE) Gerelt-oyu				SIGNATURE (BLACK) Chen, Yunhao		SIGNATURE (ARBITER) Lin Yin		

h Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
7.23

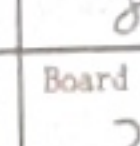
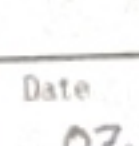
Group
G/10

Round
8

Board
20

erelt-oyu, Tsogtgerel				FED	MGL	RESULT (W)	
en, Yunhao				FED	CHN	RESULT (B)	
WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
Ke5	Ke7	21			41		
d5	Kd7	22			42		
d6	Ke8	23			43		
Ke6	Kd8	24			44		
d7	Kc7	25			45		
Ke7	Kb7	26			46		
d8-a	Ka7	27			47		
Qc7	Ka8	28			48		
Qc6	Ka7	29			49		
Kd7	Kb8	30			50		
Qc8	Ka7	31			51		
Qa6	Kb8	32			52		
Qb6	Ka8	33			53		
Qa8	Ka7	34			54		
Qa5	Kb8	35			55		
b6	Kb8	36			56		
Qa7		37			57		
		38			58		
		39			59		
		40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)	
erelt-oyu			en, Yunhao			Lin Yin	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

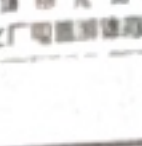
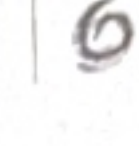


Date
07.23

Board
20

WHITE				FED		MGL		RESULT (W)	
BLACK				FED		CHN		RESULT (B)	
Chen				Yunhao				0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	e6	21	Rc2	Rc2	41	Bd8	Kg6	
2	d4	d5	22	Qc2 Qc2	Nac8 Nac8	42	Kg3	Kg7	
3	Nd2	c5	23	Bc7	Qe8	43	Kf4	Kg6	
4	c3	Nc3	24	Nd2	Qf8	44	Bf6	Na7	
5	Ngf3	cd	25	Bb8	Qd8	45	Be7	Nc8	
6	cd	Bb4	26	f4	Kh8	46	Bd8	Kh7	
7	Bb4 e5	Qb6	27	Nf3	Kg8	47	Kf5	Kg7	
8	a3	Bd2	28	g4	g6	48	Bf6	Kf8	
9	Qd2	h6	29	Bc7	Qe8	49	g5	h9	
10	b4	a6	30	Nh4	Kf8	50	Bg5	Ne7	
11	Bb2	Bd7	31	Qc1	Kg7	51	Be7	Ke7	
12	Bd3	Ngf7	32	Qc2	Kf8	52	Kg5	Ke6	
13	O-O	O-O	33	Kh2	Kg8	53	Kg4	f6	
14	Rac1	Rf8	34	f5	ef	54	ef	Kf6	
15	h3	a5	35	gf	gf	55	Kf4	Ke6	
16	b5	Na7	36	Bf5	Nf5	56	Kg5	Kd7	
17	a4	Qd8	37	Nf5	Bf5	57	Kf5	Kd6	
18	Ba3	b6	38	Qf5	Qe6	58	Kf6	Kd7	
19	Bd6	Rc1	39	Qg4	Qg4	59	Ke5	Ke5 ct	
20	Rc1	Rc8	40	hg	Kg7	60	Kd5	Kd7	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
Gerelt-oyu				Chen, Yunhao		Lin Yin			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
2026.07.23

Group
G/10

Round
8

Board
20

WHITE				FED		MGL		RESULT (B)		1	
BLACK				FED		CHN		RESULT (B)		0	
Chen Yunhao											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
61	Ke5	Ke7	21			41					
62	d5	Kd7	22			42					
63	d6	Ke8	23			43					
64	Ke6	Kd8	24			44					
65	d7	Kc7	25			45					
66	Ke7	Kb7	26			46					
67	d8-a	Ka7	27			47					
68	Qc7	Ka8	28			48					
69	Qc6	Ka7	29			49					
70	Kd7	Kb8	30			50					
71	Qc8	Ka7	31			51					
72	Qa6	Kb8	32			52					
73	Qb6	Ka8	33			53					
74	Qd8	Ka7	34			54					
75	Qa5	Kb8	35			55					
76	b6	Kb7	36			56					
77	Qa7 #		37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Chen Yunhao				Chen Yunhao				Lin Yin			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

2026/1/23

Group

G10

Round

8

Board

21

WHITE			BLACK			FED			RESULT (W)			RESULT (B)		
Ransala PK Adithi			Gao, Anne xuduo			Sri Lanka			1/2			1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rg3	Rxd2	41								
2	C4	NC6	22	Kxd2	Kd7	42								
3	e3	Nf6	23	Rg4	Rf8	43								
4	a3	e5	24	Kd3 Rg3	Kd3 Kd5	44								
5	dxe5	Nxe5	25	Kd3	Kd5	45								
6	Cxd5	Qxd5	26	b4		46								
7	Qxd5	Nxd5	27			47								
8	Be2	Nd3+	28			48								
9	Bxd3	Bd6	29			49								
10	Nf3	O-O-O	30			50								
11	Nc3	Nxc3	31			51								
12	Bxc3	f6	32			52								
13	O-O-O	Be2	33			53								
14	Rd2	Bxf3	34			54								
15	Be5	Bxe5	35			55								
16	O-O-O	Be2	36			56								
17	Rd2	Bxf3	37			57								
18	Rxf3	Be5	38			58								
19	Bxe5	fxe5	39			59								
20	Rg1	g6	40			60								
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)		
Ransala PK Adithi						Gao, Anne xuduo						W. Y. Lin		

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

23/7/26

Group

C-10

Round

8

Board

21

WHITE			BLACK			FED			RESULT (W)			RESULT (B)		
Ransala PK Adithi			Gao, Anne xuduo			SRI			1/2			1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	D4	D5	21	Rg3	Rxd2	41								
2	C4	NC6	22	Fxd2	Fcd7	42								
3	E3	NF6	23	Rg4	Rf8	43								
4	a3	e5	24	Rg3	Kd6	44								
5	Qxd5 dxe5	Nxe5	25	Rd3	Kd5	45								
6	Qxd5	Qxd5	26	b4		46								
7	Qxd5	Nxd5	27			47								
8	Be2	Nd3+	28			48								
9	Bxd3	Bd6	29			49								
10	Nf3	O-O-O	30			50								
11	Nc3	Nxc3	31			51								
12	Bxc3	f6	32			52								
13	O-O-O	Be2	33			53								
14	Rd2	Bxf3	34			54								
15	Be5	Bxe5	35			55								
16	O-O-O	Be2	36			56								
17	Rd2	Bxf3	37			57								
18	Rxf3	Be5	38			58								
19	Bxe5	fxe5	39			59								
20	Rg1	g6	40			60								
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)		
Ransala PK Adithi						Gao, Anne xuduo						W. Y. Lin		

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026/7/23

Group G6

Round 8

Board 22

WHITE Shao, Jiatong				FED CHN		RESULT (W) 1/2		
BLACK Marat Bekova Ademi				FED CHN		RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Bb6		41		
2	Nf3	Nf6	22			42		
3	Bc4	Nc6	23			43		
4	d3	Bc5	24			44		
5	Nc3	d6	25			45		
6	h3	h6	26			46		
7	a3	a6	27			47		
8	Bd2	Bd7	28			48		
9	Bb3	Bb6	29			49		
10	d4	ed	30			50		
11	Nd4	Ne5	31			51		
12	Bd2	ae7	32			52		
13	f4	Ng6	33			53		
14	ed3	Nh5	34			54		
15	ah4 ↔	Nd5	35			55		
16	Bf2	Nh4	36			56		
17	Qf3	Qg5	37			57		
18	Nb6	cb	38			58		
19	B3	Ne6	39			59		
20	Ne6	fe	40			60		
SIGNATURE (WHITE) Shao, Jiatong				SIGNATURE (BLACK) Ademi		SIGNATURE (ARBITER) W. Yu		

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 230726

Group G10

Round 8

Board 22

WHITE			Shao J.			FED		CHN		RESULT (W)		1/2	
BLACK			Marat Bekova A.			FED		KGZ		RESULT (B)		1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	e5	21	Cb6		41							
2	Kf3	Kc6	22			42							
3	cc4	Kf6	23			43							
4	d3	cc5	24			44							
5	Kc3	d6	25			45							
6	n3	n6	26			46							
7	a3	a6	27			47							
8	cd2	cd7	28			48							
9	ce3	cb6	29			49							
10	d4	ed	30			50							
11	K:d4	ke5	31			51							
12	ca2	qpe7	32			52							
13	f4	Kg6	33			53							
14	Qd3	Kh5	34			54							
15	Qkd5	Qh4	35			55							
16	cf2	K:f4	36			56							
17	Qf3	Qg5	37			57							
18	K:b6	cb	38			58							
19	g3	ke6	39			59							
20	K:es	fe	40			60							
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
oo			Al			W. Yu							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23.07.26

Group G-10

Round 8

Board 23

WHITE			Charvrea, Anna			FED TKM		RESULT (W) 0	
BLACK			Vedreshva, Amaiya			FED KAZ		RESULT (B) 1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	d5	21	1a58	G3	41	153	1a2	
2	c4	c6	22	f6	Kh4	42	c52	Kd2	
3	cd	ed	23	a5	Kf5	43	c3	Kb3	
4	Kc3	c6	24	Kpf8	Afc1	44	a5	152	
5	Pc2	Kge7	25	155	Kh4	45	c5	a4	
6	Cg5	Cf5	26	1e58	1a1	46	b1-P		
7	Pf5	Kf5	27	a4	Kf3	47			
8	Cd8	Kp8	28	Ca5	Kp2	48			
9	e3	Cb4	29	153	G4	49			
10	Cd3	Kd6	30	1855	h4	50			
11	a3	Ca5	31	cc3	1a2	51			
12	b4	cc7	32	152	1a1	52			
13	Kf3	Kb7	33	Ca5	G5	53			
14	O-O	1e8	34	Kpf7	1h1	54			
15	Kg5	h6	35	1253	1c1	55			
16	Kf3	Kpe7	36	Kpg6	1g7	56			
17	Ka4	b5	37	Gf	1a2	57			
18	Kc5	Kc5	38	cc3	11c2	58			
19	Bc	Kc4	39	152	1c52	59			
20	Bc	1a51	40	152	1a1	60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23.07.26

Group G-10

Round 8

Board 23

WHITE Anna C. 2018y			FED TKM			RESULT (W) 0		
BLACK Vedreshva Amaiya 2018y			FED KAZ			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	1a51	1a58	41	1a1	1b2
2	c4	c6	22	g3	f6	42	1a2	c62
3	cd	ed	23	Kh4	a5	43	1d2	c3
4	Kc3	c6	24	Kh5	Kp8	44	1b6	ab
5	Pc2	Kie7	25	Kc1	1b5	45	1b2	cb
6	Cg5	Cf5	26	Kh4	1b2	46	a4	b1=
7	Pf5	Kf5	27	1a1	a4	47		
8	Cd8	Kp8	28	Kh3	Ca5	48		
9	e3	Cb4	29	Kh4	1b3	49		
10	Cd3	Kd6	30	g4	1b5	50		
11	a3	Ca5	31	h4	Cc3	51		
12	b4	Cc7	32	1a2	1b2	52		
13	Kf3	Kd7	33	1a1	Ca5	53		
14	O-O	1e8	34	g5	Kh7	54		
15	Kh5	h6	35	1h1	1b3	55		
16	Kh3	Kpe7	36	1c1	Kh6	56		
17	Ka4	b5	37	g4	g4	57		
18	Kc5	Kc5	38	1a2	Cc3	58		
19	bc	Kc4	39	1ch	1b2	59		
20	Cc4	bc	40	1c2	1b2	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

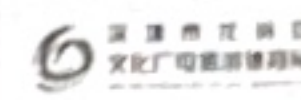
Group G10

Round 8

Board 24

WHITE Chen Haijing				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Tran Hoang Bao Ngoc				FED VIE				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	E4	C5	21	Dc	Vg7	41	Vf1				
2		C3	22		Xcd1	42					
3	D4	-cd	23	Me5	Mc5	43					
4		cd	24		Xd5	44					
5	Ed	Hd5	25	Hf6	Vg8	45					
6		Mc3	26		Hf7	46					
7	Me5	Tg5	27	Mc7	B5	47					
8		Tg5	28		Tg4	48					
9	Te2	O-O	29	Te6	Xe6	49					
10		O-O	30		He6	50					
11	Xc1	A6	31	He5	Vg8	51					
12		A3	32		Mc6	52					
13	B4	Xd8	33	Mc5	Vh6	53					
14		Te3	34		Mc5	54					
15	Ma4	Ho7	35	Me4	Hg7	55					
16		Hd3	36		Xf6	56					
17	fe	G6	37	G4	Vg4	57					
18		He4	38		Xf4	58					
19	Hf4	f6	39	Hg7	Vf3	59					
20		Mc5	40		Hg7	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Chen Haijing				Tran Hoang Bao Ngoc				Wang			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group G10

Round 8

Board 24

WHITE Chen Haijing				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Tran Hoang Bao Ngoc				FED VIE				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	E4	C5	21	Dc	Vg7	41	Kf1	Rd1			
2		C3	22		Rd1	42					
3	D4	cd	23	Nd5	Nd5	43					
4		cd	24		Rxd5	44					
5	Ed	Hd5	25		Qxf6	45					
6		Mc3	26		Qf7	46					
7	Me5	Tg5	27	Mc7	B5	47					
8		Tg5	28		Bg4	48					
9	Te2	O-O	29	Te6	Xe6	49					
10		O-O	30		He6	50					
11	Xc1	A6	31	He5	Vg8	51					
12		A3	32		Mc6	52					
13	B4	Xd8	33	Mc5	Vh6	53					
14		Te3	34		Mc5	54					
15	Ma4	Ho7	35	Me4	Hg7	55					
16		Hd3	36		Xf6	56					
17	fe	G6	37	G4	Vg4	57					
18		He4	38		Xf4	58					
19	Hf4	f6	39	Hg7	Vf3	59					
20		Mc5	40		Hg7	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Chen Haijing				Tran Hoang Bao Ngoc				Wang			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

23.07

Group

G10

Round

8

Board

25

RESULT (W)

1

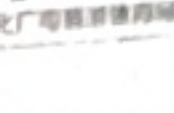
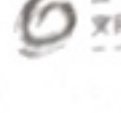
RESULT (B)

0

WHITE				BLACK					
Kondrova Vitalina				Xiao Lingyi					
FED RUS				FED CHN					
RESULT (B)				0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	d5	21	h4	h5	41			
2	c4	c6	22		d5	42			
3	Kf3	Kf6	23	h4	h5	43			
4		g3	24		h4	44			
5	C92	C97	25	h4	h5	45			
6		0-0	26	h4	h5	46			
7	Kc3	Cf5	27	Cf6	Cf5	47			
8		cd	28		h4	48			
9	h6	b6	29			49			
10	Kb5	e6	30			50			
11	f3	h4	31			51			
12		g4	32			52			
13	f9	Kb6	33			53			
14	C95	h4	34			54			
15	Kd7	Kf7	35			55			
16		e3	36			56			
17	h4	h5	37			57			
18	Kd5	ed	38			58			
19	Cd5	h4	39			59			
20	h4	Kf6	40			60			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)	
Kondrova Vitalina				Xiao Lingyi				W. Yin	

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

2026.7.23

Group

G10

Round

8

Board

25

RESULT (W)

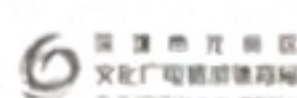
0.5

RESULT (B)

1.0

WHITE				FED RUS		RESULT (B) 1-0		
BLACK				FED CHN				
Kondrova Vitalina				Xiao Ling yi				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Ba8	Ra8	41		
2	c4	c6	22	Qd5	Ra8	42		
3	Nf3	Nf6	23	Rd7	Qb8	43		
4	g3	g6	24	Rc7	Qe8	44		
5	Bg2	Ba7	25	Qf7	Qf7 h6	45		
6	0-0	0-0	26	Qf7 Rf7	h6	46		
7	Nc3	Bf5	27	Bf6	Bf6	47		
8	cd	cd	28	Rh7		48		
9	Qb3	b6	29			49		
10	Nb5	e6	30			50		
11	f3	Re8	31			51		
12	g4	Ba4	32			52		
13	f9	Nb6	33			53		
14	Bb5	Qc8	34			54		
15	Nd7	Nd7	35			55		
16	e3	a6	36			56		
17	Rac1	Qb7	37			57		
18	Nh5	ed	38			58		
19	Bd5	Qa7	39			59		
20	Bf7 Rf7	Kh8	40			60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		
Kondrova Vitalina				Xiao Ling yi		W. Yin		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



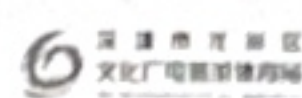
Date 2026
7/23

Group
G10
Round
8

Board
26

WHITE Dong Ziqi (BJ)				FED CHN				RESULT (W) 0.5			
BLACK 00 ke chen				FED TPE				RESULT (B) 0.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qc2	Bb7	41					
2		c4	22		b3	42					
3	Nf3	Nf6	23	bxc4	bxc4	43					
4		Nc3	24		h3	44					
5	cxg5	exd5	25	Rb1	Qc7	45					
6		Bg5	26		Rb4	46					
7	e3	O-O	27	Qb2	Rob	47					
8		Bd3	28		Rb1	48					
9	Qc2	h6	29	Rb5	Rd6	49					
10		Bh4	30	S8	a4	50					
11	O-O	c5	31	Qb4	Kh7	51					
12		Rac1	32		Qb2	52					
13	Bb5	Bb7	33	Rb4	Qc6	53					
14		Ne5	34		Qc2	54					
15	Bxf6	axd5	35	Qb2	Kg7	55					
16		Bxe7	36		Rb5	56					
17	Nxd7	Qxd7	37	Qc2	51	57					
18		a3	38			58					
19	ad2	Ba6	39			59					
20	f4	Rfd1	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Dong Ziqi (BJ)				SIGNATURE (BLACK) ke chen				SIGNATURE (ARBITER) Li yin			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026
7/23

Group
G10
Round
8

Board
26

WHITE Dong Ziqi (BJ)				FED CHN				RESULT (W) 1/2			
BLACK 00 ke chen				FED TPE				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qc2	Bb7	41					
2	c4	c6	22	Qb3	Rc7	42					
3	Nf3	Nf6	23	bxc4	bxc4	43					
4	Nc3	e6	24	h3	Rcc8	44					
5	cxg5	exd5	25	Rb1	Qc7	45					
6	Bg5	Be7	26	Rb4	Ra8	46					
7	e3	O-O	27	Qb2	Ra6	47					
8		Bd3	28	Rd1	Rc6	48					
9	Qc2	h6	29	Rb5	Rd6	49					
10	Bh4	Re8	30	a4	Ba8	50					
11	O-O	c5	31	Qb4	Kh7	51					
12		Rac1	32	Qb2	Kg8	52					
13	Bb5	Bb7	33	Rb4	Qc6	53					
14		Ne5	34	Qc2	g6	54					
15	Bxf6	axb5	35	Qb2	Kg7	55					
16		Bxe7	36	Rb5	Kh7	56					
17	Nxd7	Qxd7	37	Qc2		57					
18	a3	Rac8	38			58					
19	Qd2	Ba6	39			59					
20	Rfd1	c4	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Dong Ziqi (BJ)				SIGNATURE (BLACK) ke chen				SIGNATURE (ARBITER) Li yin			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23 July

Group G10
Round 8
Board 27

WHITE			Chloe Lee			FED SGP		RESULT (W) 1	
BLACK			Chuang Jie-an			FED TPE		RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	d5	21	Nd4	b5	41			
2	c4	e6	22	Nb3	Ba7	42			
3	Nc3	Np6	23	Qb2	Re6	43			
4	Bg5	Be7	24	Bf5	Rd6	44			
5	e3	e6 c6	25	Na5	Qb8	45			
6	Bd3	Nd7	26	Nb7	Qb7	46			
7	Nf3	h6	27	Rc8+	Nb8	47			
8	Bh4	0-0	28	Nxe8#	1-0	48			
9	0-0	b6	29			49			
10	cxd5	axd5	30			50			
11	Rc1 Rc1	Bb7	31			51			
12	Re4	Rc8	32			52			
13	Qd2	Re8	33			53			
14	a3	Bd6	34			54			
15	Nb5	Rc1	35			55			
16	Rxc1	Bb8	36			56			
17	Qb2	e5	37			57			
18	dxe5	Ne5	38			58			
19	Nd5	Rxe5	39			59			
20	d4	a6	40			60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Chloe			Chuangjie-an			Wu Yis			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 9/23

Group G10
Round 8
Board 27

WHITE Lce, chloe Ling En				FED SGP		RESULT (W) 1		
BLACK Chuang, jie-an				FED TPE		RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nd4	b5	41		
2	c4	e6	22	Nb3	Ba7	42		
3	Nc3	Nf6	23	Qb2	Re6	43		
4	Bg5	Be7	24	Bd5	Rd6	44		
5	e3	c6	25	Na4	Qb8	45		
6	Bd3	Nd7	26	Qb5	Qxb7	46		
7	Nf3	h6	27	Rc8+	Ne8	47		
8	Bh4	0-0	28	Rxe8#		48		
9	0-0	b6	29			49		
10	cxd5	axd5	30			50		
11	Rc1	Bb7	31			51		
12	Re1	Rc8	32			52		
13	Qd2	Re8	33			53		
14	b3	Bd6	34			54		
15	Nb5	Rxc1	35			55		
16	Rxc1	Bb8	36			56		
17	Bb8	Qe5	37			57		
18	dxe5	Nxe5	38			58		
19	Nxe5	Rxe5	39			59		
20	b5b4	a6	40			60		
SIGNATURE (WHITE) chloe			SIGNATURE (BLACK) Chuang, jie-an			SIGNATURE (ARBITER) Wu Yis		

12:15

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



深圳国际象棋公开赛
文化广电新闻出版局

Date 7月23日

Group C10

Round 8

Board 28

WHITE Wu, Eleanor

BLACK Wu, Nan

FED AUS

RESULT (W) 0

FED CHN

RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Q4	c5	21	←0-0-0	bc	41	Rf1	Qd3
2	Nf3	Nc6	22	Bc4	Qa5	42	Kb2	ka3
3	d4	cd	23	kb2	Rf3	43	kb1	kg7
4	Nd4	Nf6	24	Qd2	Qa5	44	Qd7	Be7
5	Nc3	e5	25	h4	Qf8	45	Nd5	Qd3
6	Nb5	d6	26	Rf2	Bh6	46	kb2	Qe2
7	Bg5	a6	27	Qe1	Rc5	47	kc1	Qf1
8	Na3	b5	28	g4	Qc8	48	kb2	Qf2
9	Nd5	Be7	29	g5	Rc4	49	kb1	Qg1
10	Bf6	Bf6	30	bc	Qc4	50	kb2	Qg2
11	c3	Be6	31	Qc1	Qe2	51	kb1	Rf1#
12	Nc3	0-0	32	kb1	Bf8	52		
13	Ne3	Bd5	33	Nf6	Qd3	53		
14	Nd5	g6	34	Kb2	d5	54		
15	Qf3	Bg7	35	Qc8	Qa3	55		
16	c4	Rc8	36	kb1	Qb4	56		
17	Qc3	kh8	37	ka1	Nb3	57		
18	b3	f5	38	kb2	Qa3	58		
19	g3	fe	39	kb1	Nd2	59		
20	Qe3	Nd4	40	kc1	Nf1	60		

SIGNATURE (WHITE)

E. Wu

SIGNATURE (BLACK)

Wu, Nan

SIGNATURE (ARBITER)

W. Y. Lin

Group

C10

Round

8

Board

28

Date

23/07/26

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



深圳国际象棋公开赛
文化广电新闻出版局

WHITE- Eleanor Wu

BLACK Nan Wu

FED AUS

RESULT (W) 0

FED CHN

RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Q4	c5	21	0-0-0	ca	41	Rf1	Qd3
2	Nf3	Nc6	22	Bc4	Qa5	42	Kb2	Qa3
3	d4	cd	23	kb2	Rf3	43	kb1	kg7
4	Nd4	Nf6	24	Qd2	Qa5	44	Qd7	Be7
5	Nc3	e5	25	h4	Qf8	45	Nd5	Qd3
6	Nb5	d6	26	Rf2	Bh6	46	kb2	Qe2
7	Bg5	a6	27	Qe1	Rc5	47	Kc1	Qf1
8	Na3	b5	28	g4	Qc8	48	Kb2	Qf2
9	Nd5	Be7	29	g5	Rc4	49	kb1	Qg1
10	Bf6	Bf6	30	bc	Qc4	50	kb2	Qg2
11	c3	Be6	31	Qc1	Qe2	51	kb1	Rf1#
12	Nc3	0-0	32	kb1	Bf8	52		
13	Ne3	Bd5	33	Nf6	Qd3	53		
14	Nd5	g6	34	Kb2	d5	54		
15	Qf3	Bg7	35	Qc8	Qa3	55		
16	c4	Rc8	36	kb1	Qb4	56		
17	Qc3	kh8	37	ka1	Nb3	57		
18	b3	f5	38	kb2	Qa3	58		
19	g3	fe	39	kb1	Nd2	59		
20	Qe3	Nd4	40	kc1	Nf1	60		

SIGNATURE (WHITE)

E. Wu

SIGNATURE (BLACK)

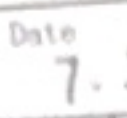
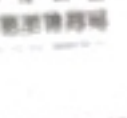
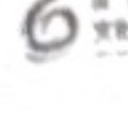
Wu, Nan

SIGNATURE (ARBITER)

W. Y. Lin

12:15

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G10
Round 8

Date 7.23 Board 29

WHITE				TPE				RESULT (W)			
Tang, Joyce				FED				0			
BLACK				CHN				RESULT (B)			
Cai, Yutong				FED				1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Kh1	g4	41	Rb6	d2			
2	Bf4	Nf6	22	Qd4	gh	42	Nd3	Kf6			
3	e3	c5	23	gh	Nf3	43	Nc5	Ra1			
4	Nf3	Ab6	24	Qf6	Kf6	44	Kh2	d1-Q			
5	Nf3	ab	25	kg2	Raf8	45	Ne4	ke5			
6	a3	cd	26	Rad1	Rf4	46	Rd1	Rd1			
7	ed	Bf5	27	Ne2	Ae5	47	Kg3	Nf5			
8	Bd3	Bg3	28	P.Ng3	Rc4	48	Kf3	Rd3			
9	h3	e6	29	Rd3	Nh4	49	kg4	kd4			
10	b4	Bd6	30	Kh1	Rc2	50	kg5	Rc4			
11	Ne5	o-o	31	Kh1	Rf3	51	Kg6	2b4			
12	o-o	Bd5	32	Rf3	Nd3	52	Kf6	a5			
13	de	Nd7	33	kg2	Nh4	53	h4	Nh4			
14	# Ra1	f6	34	kg1	Ra2	54	Ke6	a4			
15	Bb6	h9	35	Rc1	Ra3	55	Kf6	a3			
16	ef	Qf6	36	Rc8	Kf7	56	e3	Kf3			
17	Ne2	Nde5	37	Rc7	Kf6	57	kg7	a2			
18	Rf1	g5	38	Rb7	d4	58	kg6	Qa1			
19	Be5	Nas	39	Ne4	ke5	59	Kh7	Rb6			
20	Ng3	q6	40	Nf5	d3	60	kg8	Rb7			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Joyce				Cai, Yutong				W. Yin			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

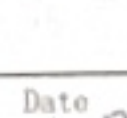
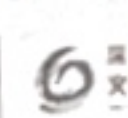


Group G10
Round 8

Date 7.25 Board 29

WHITE				TPE				RESULT (W)			
Tang, Joyce				FED				0			
BLACK				CHN				RESULT (B)			
Cai, Yutong				FED				1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	kg8	Qa8	21			41					
2			22			42					
3			23			43					
4			24			44					
5			25			45					
6			26			46					
7			27			47					
8			28			48					
9			29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Joyce				Cai, Yutong				W. Yin			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

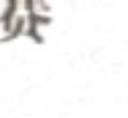
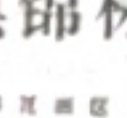
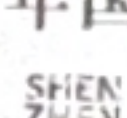


Group G10
Round 8

Date 7.25 Board 29

WHITE				TPE				RESULT (W)			
Tang, Joyce				FED				0			
BLACK				CHN				RESULT (B)			
Cai, Yutong (GD)				FED				1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qd4	g4	41	Nd3	1-f6			
2	Bf4	Nf6	22	gh3	Nf3	42	Nc5	Ra1			
3	e3	c5	23	Qxg6	Rxf6	43	Kh2	d1-Q			
4	Nf3	Nc3	24	kg2	Raf8	44	Ne4	1-ke5			
5	a3	exd4	25	Rad1	Rf4	45	Rxd1	Rxd1			
6	exd4	Bf5	26	Ne2	Re4	46	1-g3	Nf5			
7	Bd3	Bg6	27	Ng3	Rc4	47	Kf3	Rd3			
8	h3	e6	28	Rd3	Nh4	48	Rg4	Kxe4			
9	b4	Bd6	29	Kh1	Rxc2	49	kg5	Rd4			
10	Ne5	o-o	30	1-g1	Rf3	50	Kxg6	Rxb4			
11	o-o	Bxe5	31	Rxf3	Nxf3	51	Kf6	a5			
12	dxe5	Nd7	32	kg2	Nh4	52	h4	Nh4			
13	Re1	f6	33	1-g1	Rg2	53	Kxe6	a4			
14	Bxg6	ghxg6	34	Rc1	Rxa3	54	Kf6	a3			
15	exf6	Qxf6	35	Rc8	Kf7	55	f3	Kxf3			
16	Ne2	Ndcs	36	Rc7	1-f6	56	1-g7	a2			
17	Rf1	g5	37	Rxb7	d4	57	1-h6	a1-Q			
18	Bxe5	Nxe5	38	Ne4	1-ke5	58	Kh7	Rb6			
19	Ng3	gb	39	Nc5	d3	59	1-g8	Rb7			
20	Kh1	g4	40	Rd7	d2	60	1-f8	Qa1			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Joyce				Cai, Yutong				W. Yin			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G10
Round 8

Date 7.23 Board 29

WHITE				TPE				RESULT (W)			
Tang, Joyce				FED				0			
BLACK				CHN				RESULT (B)			
Cai, Yutong				FED				1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	kg8	Qa8	21			41					
2			22			42					
3			23			43					
4			24			44					
5			25			45					
6			26			46					
7			27			47					
8			28			48					
9			29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Joyce				Cai, Yutong				W. Yin			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

23.04

Group

G10

Round

8

Board

30

WHITE Farlthunde				FED TJL				RESULT (W) 1			
BLACK Gong Yinnuo				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	h3	h4	41	Nf3	Kp3			
2	lf3	lce	22	lpt2	lf4	42	lpt2	h5			
3	cb5	ae	23	b3	h5	43	hpt2	h5			
4	cec	dc	24	lpg3	h5	44					
5	ah	ed	25	lpt2	h5	45					
6	Ph4	Ph4	26	ch	h4	46					
7	ld4	f3	27	h3	h4	47					
8	cc5	ce3	28	h3	h4	48					
9	cd4	cd4	29	h4	h5	49					
10	cec	ld2	30	lper	h4	50					
11	ld2	cg6	31	f5	h4	51					
12	gt	lbg3	32	lper	h4	52					
13	lpt2	h5	33	lpt2	h4	53					
14	lper	h4	34	h3	h5	54					
15	h3	h4	35	h4	h4	55					
16	h3	h4	36	h4	h4	56					
17	h3	h4	37	lpt2	h4	57					
18	h5	h4	38	h4	h4	58					
19	gt	ef	39	lpt2	h4	59					
20	ef	h5	40	lpt2	h4	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
				Gong Yinnuo				W. Y. Y.			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group

G10

Round

8

Board

30

WHITE NoSimanova, Farlthunde				FED				RESULT (W) 1			
BLACK Gong Yinnuo				FED				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	h3	h4	41					
2	nf3	nc6	22	h3	h4	42					
3	b3	ab	23	b3	h5	43					
4	bxc6	dxcb	24	h3	h5	44					
5	d4	exd4	25	b3	h5	45					
6	axd4	axd4	26	h3	h5	46					
7	h3	h4	27	h3	h5	47					
8	h3	h5	28	h3	h5	48					
9	h3	h5	29	h3	h5	49					
10	h3	h5	30	h3	h5	50					
11	h3	h5	31	h3	h5	51					
12	h3	h5	32	h3	h5	52					
13	h3	h5	33	h3	h5	53					
14	h3	h5	34	h3	h5	54					
15	h3	h5	35	h3	h5	55					
16	h3	h5	36	h3	h5	56					
17	h3	h5	37	h3	h5	57					
18	h3	h5	38	h3	h5	58					
19	h3	h5	39	h3	h5	59					
20	h3	h5	40	h3	h5	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
				Gong Yinnuo				W. Y. Y.			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

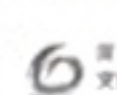
Group G10

Round 8

Board 31

WHITE Hsing, Loning				FED				RESULT (W) 1			
BLACK Seol, Yunseo				FED				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Bf2	Qe5	41	Rxe8	kxe8			
2	Nf3	Nf6	22	c3	Re6	42	kf2	ke7			
3	Nc3	Nc6	23	g3	Rg6	43	ke3	d5			
4	a3	Bc5	24	f4	Nxf4	44	kd4	ke6			
5	Nxe5	Nxe5	25	Bd4	Qg5	45	kc5	g5			
6	d4	Bxd4	26	Be3	Nh3	46	Rf1	f5			
7	Qxd4	Nc6	27	kg2	Qe5	47	kcb	ke5			
8	Qd1	db	28	kxh3	Qe6+	48	Kxc7	f4			
9	Bb5	Bd7	29	kg2	Qxe4	49	kb6	h5			
10	O-O	O-O	30	kg1	Ne5	50	Kxa6	ke4			
11	Re1	h6	31	Ne7	kf8	51	Kxb5	f3			
12	Bf4	Re8	32	Bf4	Re8	52	a4	ke3			
13	f3	ab	33	Bf4	Re8	53	a5	ke2			
14	Ba4	b5	34	Bf4	Re8	54	Ra1	f2			
15	Bb3	Nh5	35	Nxg6	Qxg6	55	a6	f1Q			
16	Be3	Be6	36	Rf1	Qe4	56	Rxf1	Kxf1			
17	Ba2	Bxa2	37	Bf4	Ng6	57	a7	kg2			
18	Rxa2	Qf6	38	Qe1	Qxe1	58	a8Q	Kxh2			
19	Nd5	Qe6	39	Raxel	Nxf4	59	Qxd5	Kxg3			
20	Ra1	Rac8	40	Gxf4	Re8	60	Qxg5	kh3			
SIGNATURE (WHITE) Hsing Lo-Ning				SIGNATURE (BLACK) eese				SIGNATURE (ARBITER) li jin			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

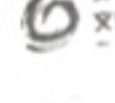
Group G10

Round 8

Board 31

WHITE Hsing, Lo-Ning				FED				RESULT (W) 1			
BLACK Seol, Yunseo				FED				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Qh3	kg3	21			41					
2	c4	kg2	22			42					
3	c5	kg3	23			43					
4	c6	kg2	24			44					
5	c7	kg3	25			45					
6	c8R	kg2	26			46					
7	Qf7	kg3	27			47					
8	Rg8	kh3	28			48					
9			29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE) Hsing Lo-Ning				SIGNATURE (BLACK) eese				SIGNATURE (ARBITER) li jin			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 9/22

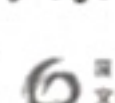
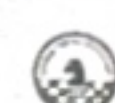
Group G10

Round 8

Board 31

WHITE Hsing Lo-Ning				FED				RESULT (W) 1			
BLACK Seol, Yunseo				FED				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Bf2	Qe5	41	kd4	ke6			
2	Nf3	Nc3	22	c3	g3Reb	42	kc5	g5			
3	Nc3	Nc6	23	g3	Rg6	43	Rf1	f5			
4	Bc5	Nx8	24	f4	Nxf4	44	kcb	kes			
5	Nxe5	Nxe5	25	Bd4	Qg5	45	Kxc7	f4			
6	d4	Bxd4	26	Be3	Nh3+	46	kb6	h5			
7	Qxd4	Nc6	27	kg2	Qe5	47	Kxb6	ke4			
8	Qd1	db	28	kxh3	Qebf	48	Kxb5	f3			
9	Bb5	Bd7	29	kg2	Qxe4+	49	a4	ke3			
10	O-O	O-O	30	kg1	Ne5	50	a5	ke2			
11	Re1	h6	31	Ne7	kf8	51	Ra1	f2			
12	Bf4	Re8	32	Nxgbt	Qxgb	52	a6	f1=Q			
13	f3	ab	33	Rf1	Qe4	53	Rxf1	Kxf1			
14	Ba4	b5	34	Bf4	Ng6	54	a7	kg2			
15	Bb3	Nh5	35	Qe1	Qxe1	55	a8=Q	Kxh2			
16	Be3	Be6	36	Raxel	Nxf4	56	Qxd5	Kxg3			
17	Ba2	Bxa2	37	Rxf4	Re8	57	Qxg5+	Kh3			
18	Rxa2	Qf6	38	Rxe8	Kxe8	58	Qxh5	kg3			
19	Nd5	Qeb	39	kf2	ke7	59	c4	kg2			
20	Ra1	Rc8	40	ke3	d5	60	c5	kg3			
SIGNATURE (WHITE) Hsing Lo-Ning				SIGNATURE (BLACK) eese				SIGNATURE (ARBITER) li jin			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group G10

Round 8

Board 31

WHITE Hsing Lo-Ning				FED				RESULT (W) 1			
BLACK Seol, Yunseo				FED				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c6	kg2	21			41					
2	c7	kg3	22			42					
3	c8=R	kg2	23			43					
4	Qf7	kg3	24			44					
5	Rg8	kh3	25			45					
6	Qh7#		26			46					
7			27			47					
8			28			48					
9			29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE) Hsing Lo-Ning				SIGNATURE (BLACK) eese				SIGNATURE (ARBITER) li jin			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.22

Group G10

Round 8

Board 32

WHITE		BLACK		FED		RESULT (W)		RESULT (B)	
Hu, Yihang		Yang Ruijie		CHN		1/2		1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	Nf6	21	Bd1	Rxb2	41	Rd7	Ke6	
2	Nf3	g6	22	Bxb3	Rxb3	42	Rxh7	Kd5	
3	c4	Bg7	23	Rb1	Rxb1	43	g4	Ke4	
4	Nc3	d5	24	Rxb1	b6	44	Rg7	fy	
5	Bf4	c5	25	a4	Rb8	45	ng	Kxf4	
6	cd	Nxd5	26	Ke1	Qb6	46	Rg6	Rg3	
7	Nxd5	Qxd5	27	Nd3	a5	47	Kf2	Rf3	
8	e3	cd	28	Nc5	Bd4	48	Ke2	Re3	
9	ed	Nc6	29	Nb3	Be5	49	Kd2	Rg3	
10	Be5	Qa5	30	f4	Bd6	50	g5	Rg2	
11	Qd2	Qxd2	31	Nd4	Rd8	51	Kc3	Rxg5	
12	Kxd2	Nd5	32	Rxb6	Rc4	52	Rxg5	Kxg5	
13	Nd5	0-0	33	Nb5	Rd4	53	Kb3	a4	
14	Ke1	Be6	34	Nd6	ed	54			
15	a3	Bb3	35	Rxd6	Ra2	55			
16	Be2	Rfd8	36	Kg1	1d7	56			
17	Kf1	Rd4	37	h3	Ra3	57			
18	Nf3	Rd8	38	Kg2	f5	58			
19	g3	Rac8	39	Rd7	Kg8	59			
20	Kg2	Rc2	40	Rd8	Kf7	60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Hu, Yihang			Yang Ruijie			Li Yis			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/23

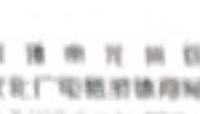
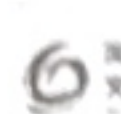
Group G10

Round 8

Board 32

WHITE		BLACK		FED		RESULT (W)		RESULT (B)	
Hu, Yihang		Yang Ruijie		CHN		1/2		1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	Nf6	21	Bd1	Rb2	41	Rd1	1e6	
2	Nf3	g6	22	Bxb3	Rxb3	42	Rh7	Kd5	
3	c4	Bg7	23	Rb1	Rxb1	43	g4	1e6	
4	Nc3	d5	24	Rxb1	b6	44	g7	fg	
5	Bf4	c5	25	a4	Rb8	45	hg	1e6	
6	cd	Nxd5	26	Ke1	Qb6	46	Rg6	Rg3	
7	Nxd5	Qxd5	27	Nd3	a5	47	1cf2	Rb5	
8	e3	cd	28	Nc5	Bd4	48	1e2	Rb5	
9	ed	Nc6	29	Nb3	Be5	49	1e2	Rg3	
10	Be5	Qa5	30	f4	Bd6	50	g5	Rg5	
11	Qd2	Qxd2	31	Nd4	Rd8	51	Kc3	Rg5	
12	Kxd2	Nd5	32	Rxb6	Rc4	52	Rg5	1g5	
13	Nd5	0-0	33	Nb5	Rd4	53	1b3	a4	
14	Ke1	Be6	34	Nd6	ed	54	1g4		
15	a3	Bb3	35	Rxd6	Ra2	55			
16	Be2	Rfd8	36	Kg1	1d7	56			
17	Kf1	Rd4	37	h3	Ra3	57			
18	Nf3	Rd8	38	Kg2	f5	58			
19	g3	Rac8	39	Rd7	Kg8	59			
20	Kg2	Rc2	40	Rd8	Kf7	60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Hu, Yihang			Yang Ruijie			Li Yis			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
7.23

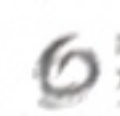
Group
G10

Round
8

Board
33

WHITE Pan, Yitong			FED CHN			RESULT (W) 1		
BLACK			FED MDV			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Nh7	Nh7	41		
2	d4	d5	22	Bh7	Kxg8	42		
3	ed	cd	23	Rf3??	Nd4	43		
4	Bd3	Nc6	24	Qd3	Nf3	44		
5	c3	Nf6	25	Qf3	f5	45		
6	Bf4	e6	26	Ng6	Kg7	46		
7	Nf3	Be7	27	Ng7	Qg7	47		
8	O-O	O-O	28	Bf5	Rf8	48		
9	Re1	b6	29	Qg4	Kh8	49		
10	Nbd2	Bb7	30	Re6	Qc7	50		
11	Qc2	g6	31	Rh6	Qh7	51		
12	Bh6	Re8	32	Rh7#		52		
13	h3	Bf8	33	1-0		53		
14	Bf8	Rf8	34			54		
15	Re3	Rc8	35			55		
16	a3	Re8	36			56		
17	Rae1	Qdb6	37			57		
18	Nh4	Re7	38			58		
19	Ndf3	g5	39			59		
20	Ng5	h6	40			60		
SIGNATURE (WHITE) Pan, Yitong			SIGNATURE (BLACK) 			SIGNATURE (ARBITER) 		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
23/7/26

Group
G10

Round
8

Board
33

WHITE Pan, Yitong			FED CHN			RESULT (W) 1		
BLACK Alasat, Ibrahima			FED MDV			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Nh7	NxN	41		
2	d4	d5	22	BxN+	h5e	42		
3	exd5	uxd5	23	Re3	Ntd4	43		
4	Bd2	Nc6	24	Qd3	N+Rf3+	44		
5	c3	Nf6	25	QxN	f5	45		
6	Bf4	e6	26	N8d+	h27	46		
7	Nf3	Be7	27	NxR	Q+N	47		
8	O-O	O-O	28	Bxf	Re8	48		
9	Re1	b6	29	Qge+	h5e	49		
10	Nd2	Bc7	30	Rxe6	Qc7	50		
11	Qc2	g6	31	Rxh6+	Qh7	51		
12	Bh6	Re8	32	Qxh7#		52		
13	h3	Bf8	33			53		
14	BxB	RxB	34			54		
15	Re3	Rc8	35			55		
16	a3	Re8	36			56		
17	Re1	Qdb6	37			57		
18	Nh4	Rc7	38			58		
19	Nf3	g5	39			59		
20	Nxg5	h6	40			60		
SIGNATURE (WHITE) Pan, Yitong			SIGNATURE (BLACK) 			SIGNATURE (ARBITER) 		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23/02/26

Group G10

Round 08

Board 34

WHITE				23/02/20				34	
BLACK				FED CHN				RESULT (W) 7	
Qiu, Yixuan				FED MDV				RESULT (B) 0	
Alaya Azmia Latheef									
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	e5	21	e5	Qg6	41	Rc4 +	g4	
2	Nf3	Nc6	22	Qxg6	f9g6	42	h4 Re4 +	h7d5	
3	Bc4	Nf6	23	a3	a5	43	Qc4 +	h7d6	
4	d3	h6	24	a4b4	a4b4	44	Qd4	h7	
5	Be2	Bd6	25	Rd7	Rb8	45	g3	h7	
6	O-O	O-O	26	e6	dxc6	46	Qb4 Re2	h7	
7	Nd2	b6	27	Re8	Re8	47	Re2	h7	
8	c3	bb7	28	Rxe8	Rxe8	48			
9	d4	Qe7	29	Rxb7	Rd8	49			
10	Qc2	Na5	30	Rc7	h7	50			
11	d5	Nxc4	31	Rxc5	h5	51			
12	Nxc4	c5	32	Rb5	Rd6	52			
13	Nxd6	Qxd6	33	Ng5 +	h6	53			
14	Qc2	Ng4	34	Nf7 +	h6 h7	54			
15	Re1	Qg6	35	Nxd6	h6	55			
16	h3 h3	Nxe3	36	h3 c5	h5	56			
17	Bxe3	b5	37	c6	h4	57			
18	b3	b4	38	c7	h4	58			
19	Nxe3	Qd6	39	c8=Q	g5	59			
20	Nf3	Rc8	40	Rb4 +	h5	60			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)	
Qiu, Yixuan									

SIGNATURE (WHITE)

Qiu, Yixuan

SIGNATURE (BLACK)

Alaya Azmia Latheef

SIGNATURE (ARBITER)

Arbiters

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

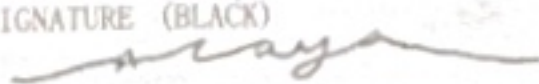
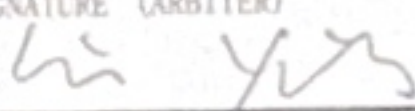


Date 23/02/26

Group G10

Round 8

Board 34

WHITE					FED CHN		RESULT (W) 1	
BLACK					FED MDV		RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	e5	Qg6	41	Rc4	g4
2	Nf3	Nc6	22	Qg6	f9	42	Re4	h7
3	Bc4	Nf6	23	a3	a5	43	Qc4	h7
4	d3	h6	24	ab	ab	44	Qd4	h7
5	Be3	Bd6	25	Ra7	Rb8	45	Re2	g3
6	o-o	o-o	26	eb	de	46	Rc2	h7
7	Nd2	b6	27	Re6	Rb8 Rb8	47	Qb4	h7
8	c3	Bb7	28	Re8	Re8	48	Ra2#	
9	d4	Qe7	29	Rb7	Rd8	49		
10	Qc2	Na5	30	Rc7	Kh7	50		
11	d5	Nc4	31	Rc5	h5	51		
12	Nc4	c5	32	Rb5	Rd6	52		
13	Nd6	Qd6	33	Ng5	Kh6	53		
14	c4	Ng4	34	Nf7	Kh7	54		
15	Rfe1	Qg6	35	Nd6	Kh6	55		
16	h3	Ne3	36	c5	kg5	56		
17	Re3	b5	37	c6	h4	57		
18	b3	b4	38	c7	Kf4	58		
19	Ne5	Qd6	39	c8=Q	g5	59		
20	Nf3	Ra8 Ra8	40	Rb4	ke5	60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		
Qiu, Yixuan								

SIGNATURE (WHITE)

Qiu, Yixuan

SIGNATURE (BLACK)

Alaya Azmia Latheef

SIGNATURE (ARBITER)

Arbiters

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7月23日

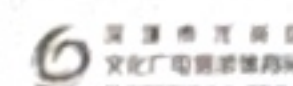
Group 35

Round 8

Board 35

WHITE Tran Minh Anh			FED VIE			RESULT (W) 0		
BLACK Li, Yuyi			FED CHN			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	g4	h4	41		
2	h5	bc	22	h5	h5	42		
3	c4	7e	23	4h	g8	43		
4	c3	6f	24	e2	b4	44		
5	7f	7k	25	c3	b5	45		
6	f3	5c	26	b5	5c	46		
7	5g	7e	27	b4	b4	47		
8	f3	6h	28	b4	b4	48		
9	h3	7k	29	f1	e8	49		
10	d3	4d	30	e1	f8	50		
11	d2	e8	31	f4	e4	51		
12	4a	5e	32	h1	b3	52		
13	e1	5d	33	c4	f6	53		
14	2a	6e	34	bh	g4	54		
15	d1	d8	35	4h	c5	55		
16	e3	7d	36	c5	e3	56		
17	3h	6f	37	d2	g4	57		
18	b5	5a	38			58		
19	f2	5h	39			59		
20	g4	5g	40			60		
SIGNATURE (WHITE) <i>anh</i>			SIGNATURE (BLACK) <i>li yuyi</i>			SIGNATURE (ARBITER) <i>Li Yan</i>		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7月23日

Group 40

Round 7

Board 35

WHITE Tran Minh Anh			FED VIE			RESULT (W) 0		
BLACK Li, Yuyi			FED CHN			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	g4	h5	41		
2	ah5	nc6	22	h4	gh	42		
3	Bc4	ke7	23	gh	Nh5	43		
4	Nc3	Nfb	24	Bh4	Rg8	44		
5	Qf7	Qf7	25	Ne2	Bb4	45		
6	Bf7	Kf7	26	c3	Nb5	46		
7	Nf3	Bf7	27	ab	Bb5	47		
8	Ng5+	Ke7	28	d4	ed	48		
9	B3	h6	29	cd	Bb4	49		
10	Nh3	Kd3	30	Rf1	kes	50		
11	Nd4	Ka2	31	Bel	Bf8	51		
12		Re8	32	f4	de	52		
13	a4	db	33	Rh1	Bb3+	53		
14	Rel	Beb	34	Kcl	Nfb	54		
15	Ng1	d5	35	Nhb	Ng4	55		
16	Kd1	Rad8	36	Rf4	c5	56		
17	Be3	Rd1	37	dc	Bc5	57		
18	h3	b3	38	Bd2	Be3	58		
19	Nb3	a5	39	Be3	Rd1+	59		
20	Bf2	g5	40			60		
SIGNATURE (WHITE) <i>anh</i>			SIGNATURE (BLACK) <i>li yuyi</i>			SIGNATURE (ARBITER) <i>Li Yan</i>		